

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



Địa chỉ : 168 Đường Giải Phóng, Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại : 04.38687557

Fax : 04.38686557

2012



DỰ ÁN: KHU BIỆT THỰ CAO CẤP LÔ BT-05, BT-06, KHU ĐTM VIỆT HƯNG
ĐỊA ĐIỂM: KHU ĐÔ THỊ MỚI VIỆT HƯNG, QUẬN LONG BIÊN, TP HÀ NỘI
CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1.

Mục lục

THÔNG ĐIẾP TỪ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	4
TỔNG QUAN.....	7
LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	9
Quá trình phát triển.....	9
Định hướng phát triển	11
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	14
Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm	14
Tình hình thực hiện so với kế hoạch	14
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	16
Báo cáo tình hình tài chính.....	16
Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	18
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	23
Báo cáo kiểm toán Công ty mẹ.....	23
Báo cáo tài chính hợp nhất	23
GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN.....	24
Kiểm toán độc lập	24
CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN	25
Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của Công ty.....	25
Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do Công ty nắm giữ.....	25
Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan	25
TỔ CHỨC NHÂN SỰ	27
Cơ cấu tổ chức của Công ty	27
Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành.....	28
Thay đổi Giám đốc điều hành trong năm	29
Quyền lợi của Ban Giám đốc	29
Tình hình lao động và chính sách đối với người lao động	30
Thay đổi thành viên HĐQT, BGD, BKS, KTT.	31
THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY	32
Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:.....	32
Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn	36



THÔNG ĐIỆN TỪ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Thay mặt Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban Lãnh đạo Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1, tôi xin gửi tới Quý cổ đông và nhà đầu tư tiềm năng lời chào trân trọng nhất cũng như lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

Năm 2011, là một năm đầy những khó khăn thách thức đối với các doanh nghiệp nói chung và Công ty HUD1 nói riêng. Đặc biệt là tình hình tài chính trong nước, để kiềm chế lạm phát và ổn định nền kinh tế, Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước tiếp tục áp dụng chính sách hạn chế tín dụng đối với lĩnh vực đầu tư kinh doanh bất động sản; đồng thời lãi suất tiền vay vẫn ở mức cao đã ảnh hưởng không nhỏ đến kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như kế hoạch giải ngân vốn xây lắp, vốn đầu tư vào các dự án mà Công ty đang thực hiện. Một số công trình có nguồn vốn ngân sách cấp bị cắt giảm vốn, một số công trình thời gian thi công dài, trượt giá nhưng chậm được chủ đầu tư phê duyệt đã ảnh hưởng rất nhiều đến công tác sản xuất kinh doanh đặc biệt là hoạt động xây lắp của Công ty.

Năm 2011, mặc dù có nhiều khó khăn nhưng dưới sự lãnh đạo sát sao của Đảng ủy, chỉ đạo, điều hành linh hoạt của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và tinh thần đoàn kết, nỗ lực vượt qua khó khăn của toàn thể CBCNV nên Công ty đã hoàn thành vượt mức, toàn diện các chỉ tiêu SXKD, kết quả cụ thể như sau:

- ▶ Tổng giá trị sản xuất kinh doanh đạt 1.386 tỷ đồng, bằng 115% kế hoạch; doanh thu đạt 1.023 tỷ đồng, bằng 146% kế hoạch; lợi nhuận trước thuế đạt 69,85 tỷ đồng, bằng 194% kế hoạch; lợi nhuận sau thuế đạt 52,7 tỷ đồng; nộp ngân sách nhà nước 34,6 tỷ đồng; vốn chủ sở hữu 180 tỷ đồng. Trong năm 2011, Công ty cũng đã thực hiện đăng ký niêm yết thành công cổ phiếu Công ty trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Từ ngày 3/11/2011 cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch với mã chứng khoán HU1.
- ▶ Công ty đã hoàn thành công tác đầu tư xây dựng và kinh doanh Dự án nhà ở thấp tầng LK36, 39, 40, 42 và BT15, Khu đô thị mới Vân Canh (Hà Nội); Dự án nhà ở thấp tầng LK2, LK3, LK4 Khu đô thị mới Đông Sơn (Thanh Hoá); Dự án



nhà ở thấp tầng phía Đông đường Xuân Diệu (Hà Tĩnh). Công ty đã triển khai kinh doanh đạt trên 92% sản phẩm, thu hồi vốn đạt 93,4% giá trị kinh doanh, mang lại hiệu quả kinh tế cho Công ty 117 tỷ đồng lợi nhuận gộp từ kinh doanh bán nhà.



Xác định giai đoạn (2012-2016) nền kinh tế đất nước vẫn còn nhiều khó khăn thách thức, lạm phát còn cao, kinh tế vĩ mô chưa thật ổn định, thị trường đầu tư, xây lắp vẫn cạnh tranh gay gắt, định hướng phát triển của Công ty được đề ra như sau:

- ▶ Tiếp tục huy động nguồn lực, phát triển sản xuất kinh doanh trên hai lĩnh vực là xây dựng và đầu tư kinh doanh bất động sản.
- ▶ Đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh. Duy trì mức tăng trưởng hợp lý, linh hoạt.
- ▶ Lành mạnh hoá và nâng cao năng lực tài chính, đảm bảo cơ cấu tài chính hợp lý cho sự phát triển bền vững của Công ty; thực hiện quản lý tài chính minh bạch, bảo toàn và phát triển vốn doanh nghiệp.
- ▶ Nâng cao năng lực quản trị Công ty, trên cơ sở nâng cao năng lực bộ máy quản lý, điều hành; hoàn thiện hệ thống quy chế nội bộ; cải tiến mô hình quản lý đảm bảo nguyên tắc minh bạch, hiệu quả xuyên suốt toàn hệ thống.
- ▶ Đổi mới mô hình tổ chức sản xuất theo phương thức chuyên môn hóa, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh; tạo nhiều việc làm, bảo đảm thu nhập của người lao động, cải thiện đời sống vật chất tinh thần của cán bộ công nhân viên và gia tăng lợi ích của cổ đông.



- ▶ Đào tạo nguồn nhân lực có trình độ quản lý, chuyên môn phù hợp với quá trình tái cơ cấu và phát triển Công ty trong giai đoạn (2012-2016);
- ▶ Một số mục tiêu cụ thể:
 - Đảm bảo mục tiêu tăng trưởng giá trị sản lượng, giá trị doanh thu bình quân mỗi năm đạt từ 5 % trở lên;
 - Vốn đầu tư đến 2015 đạt trên 50% tổng giá trị sản xuất kinh doanh;
 - Tăng vốn chủ sở hữu đến 2016 đạt 300 tỷ đồng;
 - Thu nhập bình quân của người lao động đạt trên 10 triệu đồng/người/tháng.

Bên cạnh đó, HĐQT và Ban Lãnh đạo Công ty sẽ nghiên cứu và mở rộng những định hướng kinh doanh mới có hiệu quả, thực hiện một cách nghiêm túc, chuyên nghiệp công tác quản trị doanh nghiệp, phát triển thương hiệu, quan hệ nhà đầu tư, chiến lược về nhân sự và đẩy mạnh văn hóa doanh nghiệp.

Tôi tin tưởng sâu sắc rằng, với những kế hoạch và chiến lược đã được tính toán cẩn trọng hướng tới sự phát triển bền vững, HUD1 sẽ tiếp tục gặt hái được những thành công to lớn hơn nữa.

Thay mặt Hội đồng quản trị Công ty, tôi xin gửi lời tri ân chân thành đến tất cả khách hàng và đối tác đã đồng hành, ủng hộ và cộng tác với HUD1 trong thời gian qua; cảm ơn các đồng nghiệp đã chung tay gánh vác tạo nên thành công của HUD1 ngày hôm nay và cảm ơn các Quý cổ đông đã tin tưởng và đồng hành cùng chúng tôi.

Trân trọng cảm ơn!

Hà Nội, ngày ... tháng 4 năm 2012

T/M.Hội đồng Quản trị

Chủ tịch

Nguyễn Văn Dân





TỔNG QUAN

Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 (Công ty), đơn vị thành viên của Tập đoàn Phát triển Nhà và Đô thị, tiền thân là Xí nghiệp xây dựng số 1 được thành lập ngày 14/8/1990 trực thuộc Công ty Phát triển nhà và Đô thị. Trải qua hơn 20 năm xây dựng và phát triển, HUD1 đã trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu của Tập đoàn phát triển nhà và đô thị (HUD) trong lĩnh vực thi công xây lắp và bất động sản. Hàng loạt các công trình xây dựng, các dự án bất động sản đang được HUD1 triển khai tiếp nối nhau tại Thành phố Hà Nội và nhiều địa phương trong cả nước. Những dự án, công trình của HUD1 triển khai đã và đang thu hút được sự quan tâm, chú ý của khách hàng và các chủ đầu tư.

Tầm nhìn

Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 phấn đấu trở thành một Tổng Công ty hàng đầu Việt Nam, lấy hoạt động xây dựng, đầu tư – kinh doanh bất động sản làm trọng tâm chiến lược với mong muốn tạo nền tảng thương hiệu mang tầm vóc quốc gia.

Sứ mệnh

- ▶ Đối với cổ đông: Đảm bảo và luôn gia tăng các giá trị đầu tư hấp dẫn và bền vững cho cổ đông.
- ▶ Đối với Công ty mẹ: Thực hiện thắng lợi chiến lược phát triển nhà và mục tiêu định hướng của Tập đoàn Phát triển Nhà và Đô thị.
- ▶ Đối với Thị trường: Cung cấp các sản phẩm – dịch vụ xây dựng và bất động sản với chất lượng quốc tế nhằm thỏa mãn tối đa nhu cầu của khách hàng và thị hiếu thị trường.
- ▶ Đối với nhân viên: Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động, sáng tạo; tạo điều kiện thu nhập cao và cơ hội phát triển công bằng cho tất cả các nhân viên.
- ▶ Đối với xã hội: Hòa hòa lợi ích doanh nghiệp với lợi ích xã hội; đóng góp tích cực vào các hoạt động hướng về cộng đồng và xã hội, thể hiện tinh thần trách nhiệm công dân đối với đất nước.

Giá trị cốt lõi

- ▶ Đầu tư bền vững, lấy khách hàng làm trung tâm;
- ▶ Coi trọng chất lượng;
- ▶ Đề cao tính tốc độ, hiệu quả trong công việc;
- ▶ Tôn trọng năng lực sáng tạo;
- ▶ Hiểu rõ sứ mệnh phục vụ và chỉ đảm nhận nhiệm vụ khi có đủ khả năng;
- ▶ Tập thể đoàn kết, ứng xử nhân văn và coi trọng sự công bằng;
- ▶ Thượng tôn pháp luật và kỷ luật;
- ▶ Xây dựng văn hóa doanh nghiệp dựa trên niềm tự hào về giá trị trí tuệ, bản lĩnh Việt Nam;
- ▶ Lợi thế là Công ty con của Tập đoàn Phát triển Nhà và Đô thị.



LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Những sự kiện quan trọng

Thành lập

Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng HUD1 tiền thân là Xí nghiệp xây dựng số 1, được thành lập ngày 14/8/1990 trực thuộc Công ty Phát triển nhà và đô thị. Sau 10 năm phát triển, ngày 19/6/2000, Bộ Xây dựng ra quyết định thành lập Công ty Xây lắp và phát triển nhà số 1, trực thuộc Tổng công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị.

Chuyển đổi sở hữu thành Công ty cổ phần

Thực hiện chủ trương cổ phần hoá Doanh nghiệp nhà nước, ngày 03/12/2003, Bộ trưởng Bộ Xây dựng đã ra quyết định số 1636/QĐ-BXD về việc chuyển Công ty Xây lắp và phát triển nhà số 1 thuộc Tổng Công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị thành Công ty cổ phần. Kể từ ngày 2/1/2004, Công ty đã chính thức đi vào hoạt động với tên gọi mới Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1.

Niêm yết

Từ ngày 03/11/2011, cổ phiếu của CTCP Đầu tư và Xây dựng HUD1 đã được chính thức giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán HU1.

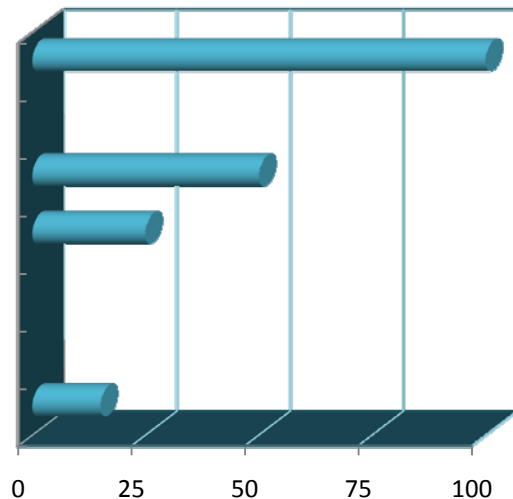
Quá trình tăng vốn

Tăng vốn điều lệ lên 100 tỷ đồng **11/2010**

Tăng vốn điều lệ lên 50 tỷ đồng **12/2008**

Tăng vốn điều lệ lên 24,9 tỷ đồng **04/2007**

Chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần với vốn điều lệ là 15 tỷ đồng **01/2004**



Quá trình phát triển

Ngành nghề kinh doanh

- ▶ Đầu tư kinh doanh phát triển nhà, khu đô thị và khu công nghiệp;



- ▶ Thi công xây lắp các loại công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, bưu chính viễn thông, đường dây và trạm biến áp thể điện, công trình kỹ thuật hạ tầng trong các khu đô thị, khu công nghiệp, thi công lắp đặt thiết bị kỹ thuật công trình, hệ thống cứu hỏa, trang trí nội thất các công trình xây dựng;
- ▶ Tư vấn, thiết kế các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- ▶ Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng và công nghệ xây dựng;
- ▶ Thi công lắp đặt hệ thống thông gió, chiếu sáng, hệ thống điện, điện lạnh;
- ▶ Tư vấn giám sát xây dựng và hoàn thiện các công trình dân dụng và công nghiệp.

Tình hình hoạt động

Trải qua hơn 20 năm hoạt động, cùng với sự phát triển lớn mạnh của Tập đoàn Phát triển nhà và đô thị, với hàng trăm các dự án lớn nhỏ trải dài từ Bắc vào Nam, HUD1 là đơn vị chủ lực đã và đang tham gia thi công các công trình, các hạng mục công trình từ cơ sở hạ tầng đến các chung cư cao tầng có giá trị lớn do Tập đoàn HUD làm chủ đầu tư. Bắt đầu từ các khối nhà chung cư đầu tiên của Tổng HUD, phát huy thế mạnh trong lĩnh vực thi công xây lắp, HUD1 đã đầu tư máy móc thiết bị, áp dụng khoa học công nghệ tiên tiến, nâng cao năng lực thi công xây lắp để thi công các công trình có yêu cầu về kỹ thuật cao, các công trình có vốn đầu tư nước ngoài.

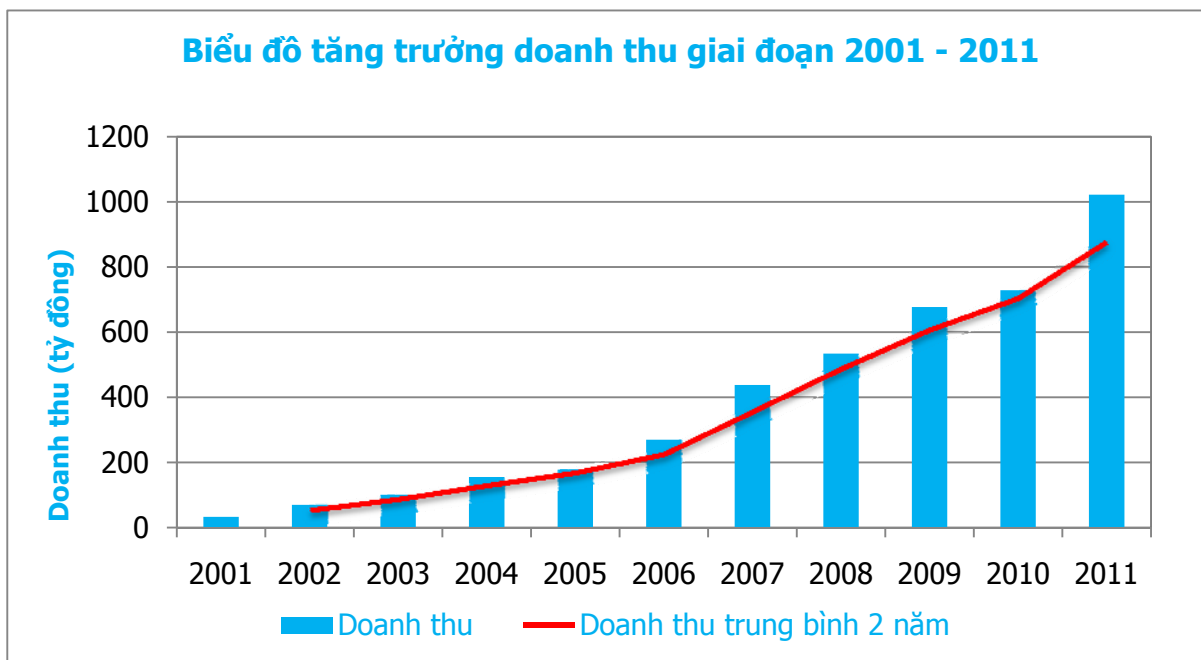
Để khẳng định được thương hiệu trên thị trường xây dựng, không chỉ thi công các dự án của Tập đoàn, HUD1 còn vươn xa ra thị trường bên ngoài để thắng thầu các dự án có giá trị lớn lên tới hàng trăm tỷ đồng như gói thầu HPSANP C1B - Hải Phòng (202 tỷ đồng), gói thầu NT-1.1 Nha Trang (100 tỷ đồng), gói thầu TH3 TP.Hồ Chí Minh (115 tỷ đồng), Dự án Khu dân cư Vĩnh Lộc B - TP.HCM (600 tỷ đồng), Dự án thoát nước Nha Trang gói 1.5A (246 tỷ). Các công trình, dự án được Công ty tìm kiếm đã chiếm tỷ trọng ngày càng lớn trong sản lượng của Công ty. Năm qua, Công ty đã thi công nhiều hạng mục công trình xây dựng với giá trị sản lượng trên 813 tỷ đồng, trong đó giá trị xây lắp trong các dự án của Tập đoàn là 197 tỷ đồng chiếm 24%, giá trị xây lắp các công trình bên ngoài là 616 tỷ đồng chiếm 76%.

Tất cả các Công trình do Công ty thi công đều được áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000 đồng thời luôn đảm bảo chất lượng, tiến độ, an toàn lao động được Chủ đầu tư đánh giá cao. Nhiều công trình đã được Bộ Xây Dựng và Công đoàn ngành tặng huy chương vàng về chất lượng.

Trong những năm gần đây, trước tình hình biến động phức tạp của nền kinh tế, các doanh nghiệp trong ngành xây dựng gặp không ít khó khăn. Đứng trước tình hình mới, lãnh đạo Công ty đã định hướng phát triển Công ty theo hướng từng bước chuyển dịch từ lĩnh vực xây lắp sang lĩnh vực đầu tư thực hiện các dự án kinh doanh nhà có quy mô vừa và nhỏ.



Năm qua, Công ty đã hoàn thành công tác đầu tư xây dựng và kinh doanh Dự án nhà ở thấp tầng LK36, 39, 40, 42 và BT15, Khu đô thị mới Vân Canh (Hà Nội); Dự án nhà ở thấp tầng LK2, LK3, LK4 Khu đô thị mới Đông Sơn (Thanh Hoá); Dự án nhà ở thấp tầng phía Đông đường Xuân Diệu (Hà Tĩnh). Công ty đã triển khai kinh doanh đạt trên 92% sản phẩm, thu hồi vốn đạt 93,4% giá trị kinh doanh, mang lại hiệu quả kinh tế cho Công ty 117 tỷ đồng lợi nhuận gộp từ kinh doanh bán nhà.



Định hướng phát triển

Định hướng tổng quát của Công ty

- ▶ Phát triển sản xuất kinh doanh trên hai lĩnh vực là xây dựng và đầu tư kinh doanh bất động sản.
- ▶ Đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh. Duy trì mức tăng trưởng hợp lý, linh hoạt.
- ▶ Lành mạnh hoá và nâng cao năng lực tài chính, đảm bảo cơ cấu tài chính hợp lý cho sự phát triển bền vững của Công ty; thực hiện quản lý tài chính minh bạch, bảo toàn và phát triển vốn doanh nghiệp.
- ▶ Nâng cao năng lực quản trị Công ty, trên cơ sở nâng cao năng lực bộ máy quản lý, điều hành; hoàn thiện hệ thống quy chế nội bộ; cải tiến mô hình quản lý đảm bảo nguyên tắc minh bạch, hiệu quả xuyên suốt toàn hệ thống.
- ▶ Đổi mới mô hình tổ chức sản xuất theo phương thức chuyên môn hóa, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh; tạo nhiều việc làm, bảo đảm thu nhập của người lao động, cải thiện đời sống vật chất tinh thần của cán bộ công nhân viên và gia tăng lợi ích của cổ đông.



- ▶ Đào tạo nguồn nhân lực có trình độ quản lý, chuyên môn phù hợp với quá trình tái cơ cấu và phát triển Công ty trong giai đoạn (2012-2017).

Các mục tiêu, giải pháp

- ▶ Từng bước chuyển dịch cơ cấu sản xuất kinh doanh theo hướng tăng dần tỷ trọng đầu tư trên tổng giá trị sản xuất kinh doanh. Cân đối, bổ sung nguồn lực đẩy mạnh triển khai đầu tư các dự án phát triển nhà, khu đô thị vừa và nhỏ trên cơ sở quy hoạch đồng bộ hiện đại đáp ứng mục tiêu phát triển nhà ở của Tập đoàn, địa phương góp phần tạo nhiều việc làm, tăng tích lũy, tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty và các Công ty con thành viên.
- ▶ Đổi mới mô hình tổ chức, quản lý hoạt động xây lắp; áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, nâng cao năng xuất lao động, rút ngắn thời gian thi công, giảm giá thành, nâng cao chất lượng, hiệu quả trong sản xuất thi công xây lắp.
- ▶ Sắp xếp bộ máy quản lý hoàn chỉnh, đồng bộ, tinh gọn; đào tạo, phát triển đội ngũ cán bộ có năng lực quản lý, điều hành, có trình độ chuyên môn cao đáp ứng mục tiêu mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh và phát triển doanh nghiệp.
- ▶ Tăng cường hợp tác, liên doanh, liên kết với các đơn vị trong và ngoài nước nhằm tăng thêm năng lực của Công ty, tạo điều kiện để Công ty mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, tiếp cận nền công nghiệp xây dựng hiện đại và tiến tới có thể tham gia thực hiện đầu tư các dự án có quy mô vừa và lớn.

Các sự kiện nổi bật năm 2011

02/10

Khởi công Dự án Khu dân cư đô thị tại Khu đô thị Bắc thành phố Hà Tĩnh – dự án có quy mô 9,1ha và HUD1 được Tập đoàn HUD ủy quyền quản lý dự án.

03/11

Cổ phiếu của CTCP Đầu tư và Xây dựng HUD1 đã được Sở giao dịch chứng khoán TP.Hồ Chí Minh chấp thuận chính thức giao dịch trên sàn HoSE với mã cổ phiếu HU1.





BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm

Năm 2011, tuy có nhiều khó khăn nhưng toàn Công ty đã phấn đấu hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu kinh tế kế hoạch, sản lượng 1.386 tỷ tăng 36,5% so với năm 2010; doanh thu hợp nhất đạt 1.150 tỷ đồng, tăng 62% so với năm 2010; Lợi nhuận trước thuế 72 tỷ tăng 309% so với năm 2010; nộp ngân sách Nhà nước 34,6 tỷ đồng, thu nhập bình quân người trên tháng là 7,5 triệu đồng. Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn điều lệ đạt 72%.

Tổng tài sản hợp nhất cuối năm 2011 đạt 1.173 tỷ đồng, tăng 24,4% so với năm trước. Năng lực tài chính của Công ty cũng được tăng lên đáng kể nhờ lợi nhuận sau thuế của Công ty tăng 356% so với năm 2011 góp phần nâng vốn chủ sở hữu của Công ty lên 180,2 tỷ đồng. Song song với vốn chủ sở hữu, Công ty cũng đã huy động và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn vay của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hà Nội và Ngân hàng TMCP Đại Tín – Chi nhánh Hà Nội vào các dự án mới như: Dự án Khu đô thị mới Vân Canh, Hoài Đức, Hà Nội; Dự án Khu ĐTM Đông Sơn, Thanh Hoá, Dự án Khu nhà ở phía Đông đường Xuân Diệu, Hà Tĩnh... Hiện nay, Công ty đang triển khai thủ tục đầu tư Dự án khu nhà ở thấp tầng Tây nam Linh Đàm với tổng mức đầu tư dự kiến 332 tỷ đồng; Dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở hỗn hợp tại 176 Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội với tổng mức đầu tư dự kiến khoảng 1.500 tỷ đồng.

Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Chỉ tiêu	Kết quả	Tăng so với kế hoạch	Tăng so với năm 2010
Sản lượng	1.386 tỷ đồng	15%	36,5%
Doanh thu	1.150 tỷ đồng	4,1%	62%
Lợi nhuận trước thuế	72 tỷ đồng	62%	309%
Cổ tức dự kiến	20%	11,1%	11,1%

Những thay đổi chủ yếu trong năm

Những khoản đầu tư lớn

Công ty đang tiếp tục thực hiện đầu tư các dự án của Tổng Công ty như dự án Chánh Mỹ (Bình Dương) với quy mô 1,28 ha, tổng mức đầu tư là 92,5 tỷ; Dự án Đông Sơn (Thanh Hóa) giai đoạn 2 với quy mô 1,2 ha, tổng mức đầu tư là 80 tỷ; Khu nhà ở hỗn hợp tại 176 Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội có tổng mức đầu tư dự kiến khoảng 1.500 tỷ đồng. Dự án Liên Bảo (Bắc Ninh) với tổng mức đầu tư là 600 tỷ đồng; Dự án TT4 Tây nam Linh Đàm (Hà Nội) với tổng mức đầu tư là 332 tỷ đồng.



Các dự án của Tập đoàn ủy quyền thực hiện như: Khu dân cư đô thị 9,1 ha (Hà Tĩnh) đã hoàn thành cơ bản công tác chuẩn bị đầu tư, đang triển khai huy động vốn để thi công hệ thống hạ tầng kỹ thuật; Khu dân cư và dịch vụ Nà Cạn (Cao Bằng) đã hoàn thành Phương án bồi thường giải phóng mặt bằng, đang trình UBND tỉnh phê duyệt phương án tiền sử dụng đất.

Thay đổi chiến lược kinh doanh

Công ty tiếp tục chuyển dịch cơ cấu doanh thu theo hướng cân bằng giữa doanh thu giữa hoạt động đầu tư và xây lắp - giảm dần tỷ trọng doanh thu xây lắp và tăng tỷ trọng doanh thu đầu tư. Điều này giúp Công ty có những chuyển biến tích cực về hiệu quả sản xuất kinh doanh, lợi nhuận thu được trong những năm tiếp theo.

Triển vọng và kế hoạch trong tương lai

Năm 2012, kinh tế trên đà phục hồi nhưng cầu tiêu dùng vẫn còn yếu do thu nhập tăng chậm. Thị trường bất động sản và xây dựng vẫn tiếp tục cạnh tranh gay gắt. Ngân hàng thắt chặt tín dụng đối với lĩnh vực Bất động sản, lãi suất tuy có giảm nhưng vẫn còn ở mức khá cao cũng có ảnh hưởng đáng kể đến đầu tư và kinh doanh bất động sản.

Với tình hình đặc điểm trên, Hội đồng quản trị đã xây dựng định hướng, kế hoạch nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2012 cụ thể như sau:

- ▶ Sản lượng :1.000 tỷ đồng
- ▶ Doanh Thu :670 tỷ đồng
- ▶ Lợi nhuận trước thuế :30 tỷ đồng
- ▶ Nộp ngân sách Nhà nước :20 tỷ đồng
- ▶ Thu nhập bình quân :7,5 triệu đồng/người/tháng
- ▶ Cổ tức :16%/năm

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Báo cáo tình hình tài chính

Khả năng sinh lời, khả năng thanh toán

Chỉ tiêu	Đơn vị	NĂM 2010	NĂM 2011
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn TSLĐ / Nợ ngắn hạn	Lần	1,28	1,17
+ Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ – Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	Lần	0,41	0,39
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	Lần	0,83	0,83
+ Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	Lần	5,68	5,39
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho Giá vốn hàng bán / Hàng tồn kho bình quân	Lần	1,09	1,52
+ Doanh thu thuần / Tổng tài sản	Lần	0,75	0,98
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hsố lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	2,3	4,7
+ Hsố lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	11,9	30,0

Chỉ tiêu	Đơn vị	NĂM 2010	NĂM 2011
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	1,7	4,6
+ Hệ số lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	2,5	6,2

Phân tích các hệ số phù hợp trong khu vực kinh doanh

Các hệ số trên đều đạt mức từ trung bình trở lên trong lĩnh vực xây lắp và kinh doanh bất động sản.

Phân tích những biến động-những thay đổi lớn so với dự kiến và nguyên nhân dẫn đến biến động

Trong năm qua các hệ số của Công ty đều được duy trì ổn định, không có sự đột biến lớn.

Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2011

$$\text{Giá trị sổ sách} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu thuộc quyền của cổ đông}}{\text{Tổng số cổ phần đã phát hành}}$$

$$\text{Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2011} = \frac{180.274.535.910}{10.000.000} = 18.027 \text{ đồng/CP}$$

Những thay đổi về vốn cổ đông

Trong năm 2011, Công ty không thực hiện phát hành tăng vốn điều lệ.

Tổng số cổ phiếu theo từng loại

Cổ phiếu phổ thông: 10.000.000 cổ phần – 100% tổng số cổ phần đang lưu hành

Tổng số trái phiếu đang lưu hành theo từng loại

Không có

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại

Cổ phiếu phổ thông: 10.000.000 cổ phần – 100% tổng số cổ phần đang lưu hành

Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ theo từng loại

Không có

Cổ tức

Lợi nhuận để chia cổ tức 2011 là: 20 tỷ đồng.

Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị: VNĐ

Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	729.246.257.152	1.150.653.241.691
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	729.246.257.152	1.150.653.241.691
4 Giá vốn hàng bán	683.878.630.579	1.018.996.888.311
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	45.367.626.573	131.656.353.380
6 Doanh thu hoạt động tài chính	14.920.005.032	5.803.528.112
7 Chi phí tài chính	16.638.425.138	19.994.250.882
Trong đó: Chi phí lãi vay	-	19.501.991.860
8 Chi phí bán hàng	-	-
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25.331.664.860	45.757.378.605
10 Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	18.317.541.607	71.708.252.005
11 Thu nhập khác	5.757.700.632	1.706.627.001
12 Chi phí khác	1.393.741.253	1.288.426.409



Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011
13 Lợi nhuận khác	4.363.959.379	418.200.592
14 Lãi hoặc lỗ trong Công ty liên kết	(65.505.218)	(110.418.784)
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	22.615.995.768	72.016.033.813
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.693.472.496	17.844.113.146
17 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	23.927.224	32.669.555
18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	16.898.596.048	54.139.251.112
19 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	2.051.285.259	1.037.836.857
20 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	14.847.310.789	53.101.414.255

Năm qua Công ty đã tổ chức triển khai thi công nhiều công trình có qui mô lớn và yêu cầu kỹ thuật cao gồm các công trình chung cư cao tầng, nhà biệt thự, hệ thống hạ tầng kỹ thuật tại các dự án của Tập đoàn Phát triển Nhà và Đô thị ty như: dự án Khu đô thị mới Việt Hưng, Vân Canh (Hà Nội), Đông Sơn (Thanh Hoá), Chánh Mỹ (Bình Dương) và các công trình do Công ty đấu thầu bên ngoài như Dự án thoát nước thải Nha Trang gói thầu 1,5A; Công trình cục công nghệ thông tin; Công trình Trụ sở BIDV Hà Nội; Công trình chung cư CT19A Việt Hưng gói thầu số 4 và gói thầu số 5; Công trình trạm thu phí đường cao tốc TP HCM; Công trình kho dự trữ Bến Cát, Bình Dương; Công trình khu du lịch sinh thái Mũi Né...

Công ty đã tiếp tục đẩy mạnh công tác đầu tư theo định hướng phát triển kinh doanh đa ngành nghề trong đó tập trung vào hai trụ cột là xây lắp và đầu tư kinh doanh bất động sản.

Trong lĩnh vực đầu tư, năm 2011 Công ty tiếp tục đẩy mạnh hoạt động đầu tư dự án phát triển nhà tại Thành phố Hà Tĩnh, đây là dự án đầu tiên mà Công ty HUD1 làm Chủ đầu tư thực sự đã tạo đà phát triển cho Công ty trong lĩnh vực đầu tư dự án trong những năm tiếp theo.

Năm qua, Công ty đã đưa vào kinh doanh và khai thác hiệu quả dự án khu đô thị Vân Canh (Hà Nội), Đông Sơn (Thanh Hóa). Từ việc khai thác hiệu quả các dự án, năm 2011 Công ty



đã hoàn thành suất xác kế hoạch kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông đề ra với lợi nhuận trước thuế đạt trên 72 tỷ đồng.

Về đầu tư thiết bị, công cụ, năm 2011, Công ty đã đầu tư giáo, cốp pha và các công cụ thi công khác với tổng trị giá hơn 8,3 tỷ đồng đáp ứng kịp thời phục hoạt động thi công xây lắp.

Những tiến bộ Công ty đã đạt được

Công tác kiểm tra, giám sát hoạt động tài chính các đơn vị trực thuộc được thực hiện thường xuyên giữa phòng Tài chính kế toán với đơn vị xây lắp nhằm đảm bảo quyền lợi cho Công ty và đơn vị thi công, đồng thời giảm thiểu rủi ro về tài chính, nâng cao hiệu quả và tăng tích lũy cho đơn vị.

Công tác báo cáo quyết toán tài chính hàng quý, năm thực hiện đúng thời gian quy định cũng như tính trung thực khách quan của số liệu kế toán thông qua các đoàn kiểm tra như Ban kiểm soát, Thanh tra thuế, Công ty kiểm toán CPA VIETNAM, Công ty kiểm toán Deloitte, các đơn vị kiểm tra đều nhận xét, đánh giá HUD1 là đơn vị thực hiện tốt các chế độ báo cáo, hệ thống sổ sách chứng từ, số liệu rõ ràng đầy đủ, thực hiện tốt nghĩa vụ Nhà nước, hạch toán đầy đủ các nghiệp vụ phát sinh về tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu, công tác trích lập các quỹ thuộc nguồn vốn được thực hiện theo quy định của Bộ tài chính và chuẩn mực kế toán hiện hành. Việc tăng vốn điều lệ được thực hiện đúng các thủ tục của Ủy ban chứng khoán Nhà nước ban hành.

Công tác kế hoạch đã được thực hiện linh hoạt và chủ động. Kế hoạch hàng tháng, quý, năm đã được rà soát, điều chỉnh sát với tình hình thực tế và năng lực thực hiện của Công ty; chú trọng xây dựng kế hoạch dự phòng để chủ động trong công tác kế hoạch. Công tác kiểm soát các hợp đồng kinh tế được thực hiện đúng pháp luật và Hệ thống quy định quản lý chất lượng nội bộ của Công ty nên đã hạn chế được những rủi ro trong hoạt động kinh tế.

Thực hiện công tác quy hoạch cán bộ, định kỳ rà soát, điều chỉnh bổ sung phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị đồng thời làm cơ sở thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng tạo nguồn nhân lực cho Công ty.

Công tác quản lý tiền lương và chi phí nhân công tại các đơn vị đã được tăng cường. Phòng Tổ chức hành chính đã chủ động kiểm soát chi phí nhân công của các đơn vị trên cơ sở khối lượng thanh, quyết toán từng hạng mục công trình. Việc chi trả lương cho CBCNV Công ty được gắn liền với năng lực và hiệu quả công việc thông qua việc xây dựng và áp dụng quy chế tiền lương của Công ty.



Các nhiệm vụ trọng tâm năm 2012

Công tác đầu tư

- ▶ Tiếp tục huy động nguồn lực triển khai thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở thấp tầng TT4, Khu đô thị mới Tây Nam hồ Linh Đàm. Tập trung đẩy mạnh triển khai đầu tư và kinh doanh các dự án thành phần trong các khu đô thị mới của Tập đoàn chuyển giao; kết hợp tốt phương thức đầu tư và kinh doanh để huy động nguồn vốn phục vụ đầu tư dự án.
- ▶ Tích cực triển khai hai dự án uỷ quyền của Tập đoàn (Dự án Khu dân cư đô thị 9,1 ha, thành phố Hà Tĩnh; Dự án Khu dân cư, dịch vụ Nà Cạn, thị xã Cao Bằng) đến giai đoạn hoàn thành hệ thống hạ tầng kỹ thuật, tạo điều kiện để Công ty tham gia đầu tư thứ phát trong năm 2012. Tiếp tục bám sát triển khai thủ tục chuẩn bị đầu tư các dự án LK01 Đông Sơn (Thanh Hóa); Khu nhà ở hỗn hợp cao tầng 176 Định Công (Hà Nội); Khu đô thị Liên Bảo, Bắc Ninh để chuẩn bị cho kế hoạch năm 2013 và các năm tiếp theo.

Công tác thi công xây lắp

- ▶ Đẩy mạnh thi công các công trình chuyển tiếp từ năm 2011; tích cực phối hợp với các bên liên quan, tháo gỡ vướng mắc trong thủ tục thanh quyết toán, khơi thông nguồn vốn, đảm bảo thu hồi vốn và cấp vốn kịp thời cho đơn vị thi công tiếp tục triển khai các công trình xây dựng chuyển tiếp đảm bảo chỉ tiêu kế hoạch sản lượng năm 2012.
- ▶ Bố trí nguồn lực, chủ động đẩy nhanh tiến độ thi công các hạng mục công trình thuộc gói thầu NT-1.5A tại Nha Trang, công trình Tòa nhà HUDTOWER tại 2.4 Lê Văn Lương, Hà Nội đảm bảo tiến độ đã cam kết với chủ đầu tư.
- ▶ Nâng cao năng lực cạnh tranh, tăng cường tham gia đấu thầu thi công các công trình xây lắp có nguồn vốn rõ ràng góp phần bảo đảm việc làm, tăng doanh thu, tích lũy và mở rộng thị trường xây lắp.

Công tác thu hồi vốn, huy động vốn và hoạt động tài chính

- ▶ Tập trung thực hiện có hiệu quả công tác thu hồi vốn xây lắp và đầu tư đảm bảo nguồn vốn để triển khai các công trình, dự án trong năm 2012. Tích cực, chủ động tháo gỡ vướng mắc với các chủ đầu tư trong công tác thanh, quyết toán khối lượng xây lắp hoàn thành; tiếp tục kinh doanh và đẩy mạnh công tác thu hồi vốn từ kinh doanh nhà tại dự án Vân Canh (Hà Nội), Đông Sơn (Thanh Hóa); có biện pháp quyết liệt thu hồi dứt điểm vốn tồn đọng.
- ▶ Xây dựng kế hoạch sử dụng vốn, huy động vốn chi tiết từng cho từng hạng mục công trình; theo dõi chặt chẽ các dòng tiền, chủ động cân đối, điều tiết nguồn vốn đảm bảo kế hoạch trả nợ và đáp ứng nhu cầu sản xuất của Công ty.



- ▶ Kiểm soát hiệu quả sử dụng nguồn vốn tín dụng, xác định chi phí lãi vay trong giá thành trên doanh thu xây lắp, đặc biệt đối với các hợp đồng xây lắp chưa thu xếp được nguồn vốn để cảnh báo rủi ro. Sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tài chính, bảo toàn vốn và sinh lợi vốn góp của cổ đông.

Công tác quản trị doanh nghiệp

- ▶ Tiếp tục kiện toàn bộ máy quản lý, nâng cao năng lực quản lý, điều hành trên cơ sở hoàn thiện phân định chức năng nhiệm vụ các phòng, ban, đơn vị trực thuộc; xây dựng, bổ sung, ban hành đồng bộ hệ thống quy chế quản lý nội bộ; cải tiến các thủ tục, quy trình đảm bảo vận hành, quản lý hoạt động SXKD minh bạch, tiết kiệm và hiệu quả.
- ▶ Đổi mới mô hình tổ chức sản xuất, phương thức quản lý chi phí giá thành xây dựng; tổng kết, rút kinh nghiệm và cải tiến phương thức khoán thi công xây lắp, đảm bảo kiểm soát hạch toán chi phí phù hợp với định mức đơn giá xây dựng cơ bản và thực tế sản xuất.
- ▶ Xác định đơn giá tiền lương, định mức dự toán chi phí quản lý của khối phòng, ban Công ty, các đơn vị sản xuất, các Đội xây dựng phù hợp với đơn giá Xây dựng cơ bản; quản lý tiền lương, chi phí quản lý của từng bộ phận theo kết quả doanh thu thực tế nhằm kiểm soát tốt công tác chi trả tiền lương gắn liền với năng suất lao động và hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- ▶ Đào tạo, phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, điều hành có năng lực, trình độ chuyên môn đáp ứng mục tiêu phát triển trước mắt và dài hạn của Công ty. Triển khai thực hiện công tác đánh giá cán bộ phục vụ cho công tác quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm cán bộ hàng năm; cải tiến quy chế tiền lương theo vị trí, hiệu quả công việc của cán bộ đảm bảo công bằng để phát huy năng lực và thu hút người lao động giỏi gắn bó với Công ty.
- ▶ Tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp; phát huy vai trò quản lý và giám sát của HĐQT trong hoạt động sản xuất kinh doanh; củng cố vai trò, trách nhiệm của Người đại diện phần vốn, nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của các Công ty con để có biện pháp hỗ trợ Công ty con tháo gỡ khó khăn, đảm bảo ổn định việc làm, thu nhập cho cán bộ công nhân viên và lợi ích của cổ đông.





BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo kiểm toán Công ty mẹ

Báo cáo tài chính hợp nhất



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD 1

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 27

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 (gọi tắt là “Công ty”) trước đây là Công ty Xây lắp và Phát triển nhà số 1 thuộc Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị, được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 theo Quyết định số 1636/QĐ-BXD ngày 03 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0103003442 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 02 tháng 01 năm 2004. Theo đăng ký thay đổi lần 6 ngày 25 tháng 1 năm 2011, Công ty tăng vốn điều lệ từ 50 tỷ đồng lên 100 tỷ đồng.

Tên giao dịch tiếng Anh: HUD1 Investment and Construction Joint Stock Company

Tên viết tắt: HUD1., JSC.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Mã chứng khoán HU1

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Dân	Chủ tịch
Ông Dương Tất Khiêm	Ủy viên
Ông Nguyễn Huy Hưng	Ủy viên
Ông Nguyễn Đình Thắng	Ủy viên
Ông Ngô Quang Đạo	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc

Ông Dương Tất Khiêm	Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Học	Phó Giám đốc
Ông Ngô Quang Đạo	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Việt Phương	Phó Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.



Dương Tất Khiêm ✓
Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 2 năm 2012

Số 140/2012/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập ngày 28 tháng 02 năm 2012 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 (gọi tắt là "Công ty") từ trang 05 đến trang 27 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0779/KTV
Thay mặt và đại diện

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM
Thành viên Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.
Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2012

Bùi Thị Thúy
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0580/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		960.919.302.214	771.675.966.988
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110		72.279.853.920	61.991.114.448
1. Tiền	111	5.1	72.279.853.920	41.991.114.448
2. Các khoản tương đương tiền	112	5.1	-	20.000.000.000
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		270.201.213.726	190.786.649.093
1. Phải thu khách hàng	131		219.071.385.240	104.666.410.051
2. Trả trước cho người bán	132		47.155.707.373	76.014.807.361
5. Các khoản phải thu khác	135	5.2	4.036.197.527	10.167.508.095
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(62.076.414)	(62.076.414)
IV- Hàng tồn kho	140		610.261.293.544	508.302.837.550
1. Hàng tồn kho	141	5.4	610.261.293.544	508.302.837.550
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		8.176.941.024	10.595.365.897
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.586.482.062	4.035.857.116
3. Thuế và các khoản khác phải thu NN	154		188.790.784	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.3	3.401.668.178	6.559.508.781
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		48.846.483.347	39.708.729.837
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		9.255.760.992	5.451.682.022
1. Tài sản cố định hữu hình	221		8.982.026.920	5.451.682.022
- Nguyên giá	222	5.5	13.225.898.251	8.625.990.069
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	5.5	(4.243.871.331)	(3.174.308.047)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		273.734.072	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		34.156.000.000	24.156.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	5.6	18.156.000.000	18.156.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.6	1.000.000.000	1.000.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	5.7	15.000.000.000	5.000.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		5.434.722.355	10.101.047.815
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	5.434.722.355	10.101.047.815
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		1.009.765.785.561	811.384.696.825

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		829.491.249.651	669.929.795.179
I- Nợ ngắn hạn	310		824.324.018.118	589.893.136.985
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.9	193.547.529.497	198.564.254.165
2. Phải trả người bán	312		437.343.544.811	332.457.130.920
3. Người mua trả tiền trước	313		163.820.740.020	48.309.627.120
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.10	5.768.797.933	1.663.867.153
5. Phải trả người lao động	315		3.993.029.000	-
6. Chi phí phải trả	316	5.11	5.961.011.470	757.324.058
9. Các khoản phải trả, phải nộp NH khác	319	5.12	12.508.964.674	7.799.602.152
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		1.380.400.713	341.331.417
II- Nợ dài hạn	330		5.167.231.533	80.036.658.194
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.13	5.038.000.000	79.973.031.438
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		129.231.533	63.626.756
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		180.274.535.910	141.454.901.646
I- Vốn chủ sở hữu	410		180.274.535.910	141.454.901.646
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.14	100.000.000.000	100.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	5.14	23.300.417.000	23.410.417.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	5.14	2.556.675.119	1.613.735.616
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	5.14	2.556.675.119	1.613.735.616
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	5.14	51.860.768.672	14.817.013.414
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		1.009.765.785.561	811.384.696.825

Người lập

Lê Thanh Hải

Kế toán trưởng

Nguyễn Huy Hưng

Hà Nội, ngày 28 tháng 2 năm 2012



Đinh Đức

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2011	Năm 2010
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.15	1.022.909.408.774	635.594.020.368
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		1.022.909.408.774	635.594.020.368
4. Giá vốn hàng bán	11	5.16	903.458.557.965	602.779.403.632
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		119.450.850.809	32.814.616.736
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.17	3.444.050.238	9.106.229.067
7. Chi phí tài chính	22	5.18	18.567.533.955	9.653.068.488
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		18.547.774.933	9.642.271.884
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.19	34.505.643.307	15.726.937.924
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		69.821.723.785	16.540.839.391
11. Thu nhập khác	31	5.20	31.695.549	3.082.024.794
12. Chi phí khác	32	5.21	2.409.351	307.289.966
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		29.286.198	2.774.734.828
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		69.851.009.983	19.315.574.219
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.23	17.115.877.496	4.498.560.805
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		52.735.132.487	14.817.013.414
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.22	5.274	2.795

Người lập



Lê Thanh Hải

Kế toán trưởng



Nguyễn Huy Hưng

Hà Nội, ngày 28 tháng 2 năm 2012



Dương Tất Khiêm

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	1.071.974.537.659	643.066.719.185
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(876.522.875.168)	(652.206.002.414)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(21.763.623.244)	(87.192.740.942)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(36.289.000.245)	(30.163.665.836)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(12.959.219.809)	(5.997.987.509)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	8.789.663.619	2.940.292.108
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(26.885.103.311)	(6.369.897.808)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	106.344.379.501	(135.923.283.216)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(4.599.908.182)	(1.631.279.455)
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(10.000.000.000)	(1.414.650.886)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.496.024.259	2.575.651.973
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(13.103.883.923)	(470.278.368)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	67.692.292.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	350.785.409.379	386.797.398.675
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(430.737.165.485)	(271.681.164.393)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.000.000.000)	(16.525.312.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(82.951.756.106)	166.283.213.782
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	10.288.739.472	29.889.652.198
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	61.991.114.448	32.101.462.250
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	72.279.853.920	61.991.114.448

Người lập



Lê Thanh Hải

Kế toán trưởng



Nguyễn Huy Hưng

Hà Nội, ngày 28 tháng 2 năm 2012



Dương Tất Khiêm

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 (gọi tắt là “Công ty”) trước đây là Công ty Xây lắp và Phát triển nhà số 1 thuộc Tổng Công ty Dầu tư Phát triển Nhà và Đô thị, được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 theo Quyết định số 1636/QĐ-BXD ngày 03 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0103003442 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 02 tháng 01 năm 2004. Theo đăng ký thay đổi lần 6 ngày 25 tháng 1 năm 2011, Vốn điều lệ 100 tỷ đồng.

Sở hữu vốn:

Cổ đông	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ sở hữu
Tập đoàn Phát triển Nhà và Đô thị	5.100.000	51.000.000.000	51%
Các cổ đông khác	4.900.000	49.000.000.000	49%
Cộng	10.000.000	100.000.000.000	100%

Địa chỉ đăng ký tại: Số 168 đường Giải Phóng, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

Số lao động bình quân: 240 người

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Đầu tư kinh doanh phát triển nhà, khu đô thị và khu công nghiệp;
- Thi công xây lắp các loại công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, bưu chính viễn thông, đường dây và trạm biến thế điện, công trình kỹ thuật hạ tầng trong các khu đô thị, khu công nghiệp, thi công lắp đặt thiết bị kỹ thuật công trình, hệ thống cứu hỏa, trang trí nội ngoại thất các công trình xây dựng;
- Tư vấn, thiết kế các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng, công nghiệp xây dựng, công nghệ xây dựng;
- Thi công lắp đặt hệ thống thông gió, chiếu sáng, hệ thống điện, điện lạnh;
- Tư vấn, giám sát xây dựng và hoàn thiện các công trình dân dụng và công nghiệp;

Hoạt động chính của Công ty trong năm 2011: Đầu tư kinh doanh nhà, khu đô thị, thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Kỳ kế toán / Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 Hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán Doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán đã được ban hành và có hiệu lực có liên quan đến việc soạn lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Không có Chuẩn mực kế toán mới nào lần đầu tiên áp dụng trong năm tài chính 2011.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập trên cơ sở đánh giá khả năng thu hồi công nợ của Công ty và theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 về hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá gốc hàng tồn kho được xác định theo phương pháp đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Hàng tồn kho (Tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian khấu hao của các tài sản như sau:

	<u>2011</u> Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 -25
Máy móc, thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-05

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban giám đốc công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ và dụng cụ, thiết bị thi công được phân bổ dần vào chi phí theo thời gian sử dụng của tài sản.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.



4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận theo thông báo của ngân hàng, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Việc xác định doanh thu của hợp đồng chịu tác động của nhiều yếu tố không chắc chắn vì chúng tùy thuộc vào các sự kiện xảy ra trong tương lai. Việc ước tính thường phải được sửa đổi khi các sự kiện đó phát sinh và những yếu tố không chắc chắn được giải quyết.

Vì vậy, lãi, lỗ thực tế của mỗi công trình thường chỉ được xác định đúng khi công trình đã hoàn thành, giá trị công trình đã được quyết toán và lãi, lỗ đối với phần khối lượng hoàn thành trong từng năm có thể chưa phản ánh đúng thực tế hoạt động kinh doanh của năm đó.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hay sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt	9.139.580.135	7.124.847.208
Tiền gửi ngân hàng	63.140.273.785	34.866.267.240
Các khoản tương đương tiền (*)	-	20.000.000.000
Tổng	72.279.853.920	61.991.114.448

(*): Tiền gửi kỳ hạn 1 tuần

5.2 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	1.402.500.000	1.413.720.000
Cổ tức năm 2010 đã tạm ứng cho cổ đông	-	7.500.000.000
Phải thu khác	2.633.697.527	1.253.788.095
<i>Ban Quản lý điều hành dự án - TH3 TP HCM</i>	<i>1.637.592.825</i>	<i>-</i>
<i>Tiền đền bù tài sản hoa màu dự án Vân Canh</i>	<i>-</i>	<i>1.216.951.974</i>
<i>Hệ thống thoát nước Nhà trang (Tiền lương, công cụ dụng cụ, phí bảo lãnh)</i>	<i>734.695.872</i>	<i>-</i>
Phải thu khác	261.408.830	36.836.121
Tổng	4.036.197.527	10.167.508.095

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.3 Tài sản ngắn hạn khác	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tạm ứng	3.401.668.178	6.559.508.781
<i>Tạm ứng các đội thi công</i>	<i>3.401.668.178</i>	<i>6.102.690.781</i>
<i>Tạm ứng khác</i>	<i>-</i>	<i>456.818.000</i>
Tổng	3.401.668.178	6.559.508.781

5.4 Hàng tồn kho	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	610.261.293.544	508.302.837.550
Tổng	610.261.293.544	508.302.837.550

Chi tiết các công trình

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Móng và tầng hầm chung cư PACKEXIN	5.982.198.502	5.664.372.942
Xây dựng NM xi măng Sông Thao Phú Thọ	362.289.450	6.075.340.616
Nhà 7A Học viện an ninh nhân dân	741.497.725	-
Dự án Khu nhà ở phía bắc đường Xuân Diệu	2.405.586.856	24.776.453.021
Công trình nhà cao tầng CT1 Bắc Linh Đàm	-	1.523.750.187
Tổng hợp chi phí DA thoát nước TH3-TPHCM	10.060.395.520	9.854.797.511
Tổng hợp chi phí DA Vĩnh Lộc B-TP HCM	14.122.867.970	9.159.245.230
Tổng hợp chi phí dự án Đông Sơn	11.890.564.238	38.768.065.638
Tổng hợp chi phí dự án Vân Canh	4.896.410.508	244.731.708.253
Nhà ký túc xá Pháp Vân	148.759.079.508	60.095.951.166
Dự án BT-A28+A33 Chánh Mỹ	42.304.184.702	33.421.650.304
Trụ sở làm việc BIDV Hà Nội	4.591.719.875	12.900.536.302
Dự án đầu tư nhà ở thấp tầng TT4 Linh Đàm	244.511.956.744	-
Phần thân trụ sở làm việc tập đoàn HUD	13.374.231.200	-
TITM và văn phòng làm việc VNF1 (thân)	16.403.074.798	-
Nhà liền kề N4 Bắc Ninh	5.290.270.273	-
Tường vây, móng và tầng hầm 25 Tân Mai	8.809.926.001	-
Thoát nước gói thầu 1.5A Nha Trang	6.049.420.108	-
Các dự án khác	69.705.619.566	58.416.337.180
Tổng	610.261.293.544	508.302.837.550

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÁU B 09-DN

5.5 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYỄN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2011	4.117.345.021	1.729.574.029	2.105.149.575	673.921.444	8.625.990.069
Tăng trong năm	-	2.328.481.818	2.271.426.364	-	4.599.908.182
Mua trong năm	-	2.328.481.818	2.271.426.364	-	4.599.908.182
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2011	4.117.345.021	4.058.055.847	4.376.575.939	673.921.444	13.225.898.251
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2011	1.079.586.203	492.756.916	1.139.281.495	462.683.433	3.174.308.047
Tăng trong năm	206.664.036	468.094.186	298.288.412	96.516.650	1.069.563.284
Khấu hao trong năm	206.664.036	468.094.186	298.288.412	96.516.650	1.069.563.284
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2011	1.286.250.239	960.851.102	1.437.569.907	559.200.083	4.243.871.331
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2011	3.037.758.818	1.236.817.113	965.868.080	211.238.011	5.451.682.022
Tại 31/12/2011	2.831.094.782	3.097.204.745	2.939.006.032	114.721.361	8.982.026.920

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.354.869.088 đồng.

Giá trị còn lại của cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố các khoản vay: 3.637.901.381 đồng.

5.6 Đầu tư vào tài chính dài hạn

	31/12/2011		31/12/2010	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư vào Công ty con	1.815.600	18.156.000.000	1.815.600	18.156.000.000
<i>Công ty Cổ phần Xây dựng HUD101</i>	<i>540.600</i>	<i>5.406.000.000</i>	<i>540.600</i>	<i>5.406.000.000</i>
<i>Công ty CP Đầu tư & Xây dựng HUD1.02</i>	<i>1.275.000</i>	<i>12.750.000.000</i>	<i>1.275.000</i>	<i>12.750.000.000</i>
Đầu tư Công ty vào liên doanh liên kết	100.000	1.000.000.000	100.000	1.000.000.000
<i>Công ty Cổ phần Kiến trúc và Xây dựng CIC DECOR</i>	<i>100.000</i>	<i>1.000.000.000</i>	<i>100.000</i>	<i>1.000.000.000</i>
Tổng	1.915.600	19.156.000.000	1.915.600	19.156.000.000

Thông tin về các Công ty con

Công ty	Ngành nghề	Vốn điều lệ	% sở hữu theo cam kết	% sở hữu thực tế 31/12/2011
Công ty Cổ phần Xây dựng HUD101	XD công trình	10.600.000.000	51%	51%
Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng HUD1.02	XD công trình	25.000.000.000	51%	51%

Thông tin về Công ty liên doanh, liên kết

Công ty	Ngành nghề	Vốn điều lệ	% sở hữu theo cam kết	% sở hữu thực tế 31/12/2011
Công ty Cổ phần Kiến trúc và Xây dựng CIC DECOR	Thiết kế, kinh doanh nội thất	1.000.000.000	20%	20%

5.7 Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển HUD8 (*)	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty TNHH Đại Thiên Lộc (**)	10.000.000.000	-
Tổng	15.000.000.000	5.000.000.000

(*): Giá trị của khoản Đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển HUD8. Tổng giá trị vốn góp là 5.000.000.000 đồng tương đương với 10% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển HUD8.

(**): Theo Hợp đồng hợp tác Đầu tư số 02/HĐHTĐT ngày 19/5/2010 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng và Công ty TNHH Đại Thiên Lộc hợp tác đầu tư xây dựng hạ tầng và kinh doanh Dự án Trạm dừng nghỉ xe đường dài Đại Thiên Lộc. Theo hợp đồng Công ty HUD1 góp vốn kinh doanh bằng tiền mặt với số vốn góp là 30 tỷ đồng. Tính đến 31/12/2011 Công ty đã góp 10 tỷ đồng.

5.8 Chi phí trả trước dài hạn

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Tại ngày 1 tháng 1	10.101.047.815	4.592.533.142
Tăng	83.331.735	8.358.237.914
Phân bổ vào chi phí trong năm	4.749.657.195	2.825.482.336
Giảm khác	-	24.240.905
Tại ngày 31 tháng 12	5.434.722.355	10.101.047.815

Chi tiết theo khoản mục

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Chi phí CCDC, thiết bị thi công	5.094.210.836	9.552.456.460
Chi phí CCDC thiết bị văn phòng	340.511.519	548.591.355
Tổng	5.434.722.355	10.101.047.815

5.9 Vay ngắn hạn

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Vay ngắn hạn	193.547.529.497	198.564.254.165
<i>Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam -CN Hà Nội (*)</i>	<i>193.547.529.497</i>	<i>170.584.254.165</i>
<i>Vay cá nhân</i>	<i>-</i>	<i>27.980.000.000</i>
Tổng	193.547.529.497	198.564.254.165

(*) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2011/IBTD ngày 23/08/2011. Vay tối đa 250 tỷ đồng để bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay theo từng Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể. Lãi suất cho vay điều chỉnh định kỳ hoặc đột biến do yêu cầu biến động lãi suất. Kỳ hạn trả nợ lãi được xác định tại Hợp đồng tín dụng cụ thể. Tài sản thế chấp gồm: Trụ sở làm việc tại số 168 đường Giải Phóng, 01 xe ô tô tải Vinaxuky, 02 xe ô tô Toyota Camry, 02 xe Toyota Innova.

5.10 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.768.797.933	1.612.140.296
Thuế thu nhập cá nhân	-	51.726.857
Tổng	5.768.797.933	1.663.867.153

5.11 Chi phí phải trả

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Trích trước chi phí thi công dự án nhà thấp tầng Xuân Diệu	1.664.551.718	-
Trích trước chi phí công trình Cục công nghệ thông tin	1.581.710.872	-
Trích trước chi phí xây dựng, chi phí trồng cây xanh tại dự án Xuân Diệu	2.110.064.545	-
Chi phí lãi vay	-	704.079.599
Trích trước 0.5% phí quản lý Tổng Công ty công trình nhà 7A	-	53.244.459
Trích trước lãi vay ngân hàng	604.684.335	-
Tổng	5.961.011.470	757.324.058

5.12 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Kinh phí công đoàn	192.560.568	192.560.568
Bảo hiểm xã hội	13.521.514	-
Bảo hiểm y tế	2.797.764	27.540.903
Bảo hiểm thất nghiệp	1.919.566	10.339.232
Các khoản phải trả, phải nộp khác	12.298.165.262	7.569.161.449
- Phải trả các đội thi công	6.304.939.125	7.569.161.449
- Phí quản lý, phí dịch vụ dự án Vân Canh	1.513.360.000	-
- Các khoản phải trả khác	4.479.866.137	-
Tổng	12.508.964.674	7.799.602.152

5.13 Vay dài hạn

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Vay ngân hàng	5.038.000.000	79.973.031.438
Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam -CN Hà Nội (*)	5.038.000.000	52.954.909.249
Ngân hàng Cổ phần TM Đại Tín (**)	-	27.018.122.189
Tổng	5.038.000.000	79.973.031.438

5.13 Vay dài hạn (Tiếp theo)

(*): Hợp đồng số 03/2010/HDTDTH ngày 15/6/2010 - Vay tối đa 7.138.000.000 đồng để đầu tư Dự án "Đầu tư thiết bị dàn giáo, cốp pa tôn". Thời hạn vay 02 năm kể từ ngày bên vay ký hợp đồng tín dụng. Lãi suất cho vay áp dụng theo thông báo lãi suất của Ngân hàng thời điểm nhận nợ. Lãi suất điều chỉnh theo thông báo lãi suất của Ngân hàng thời điểm điều chỉnh. Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

Hợp đồng tín dụng trung hạn số 01/2011/HĐTĐTH ngày 15/06/2011: Vay tối đa 1.750.000.000 đồng để thực hiện dự án "Đầu tư Cầu tháp Zoomlion TCN 5013 B-6 do Trung Quốc sản xuất" theo Quyết định số 356B-HĐQT ngày 21/04/2011 của HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1. Thời hạn vay 03 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất cho vay áp dụng theo thông báo lãi suất của Ngân hàng tại thời điểm nhận nợ. Lãi suất điều chỉnh (theo phương thức thả nổi) theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng thời điểm điều chỉnh. Thế chấp toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay.

(**): Hợp đồng tín dụng số 00295/HĐTS/TDN-2010 ngày 31/7/2010 - Vay 25 tỷ đồng để thực hiện dự án đầu tư "Tiếp nhận ủy quyền và thực hiện đầu tư Xây dựng công trình nhà ở thấp tầng lô LK02,04 Khu đô thị Đông Sơn. Thời hạn vay 20 tháng kể từ ngày 31/07/2010 đến 31/3/2012. Lãi suất vay tại thời điểm ký hợp đồng 1,35%/tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUDI
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU B 09-DN

5.14 Vốn chủ sở hữu

a. Chi tiết tăng, giảm vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2010	50.000.000.000	5.848.125.000	1.055.005.181	1.055.005.181	11.130.628.295	69.088.763.657
Tăng trong năm	50.000.000.000	17.602.292.000	558.730.435	558.730.435	14.817.013.414	83.536.766.284
Góp vốn	50.000.000.000	17.602.292.000	-	-	-	67.602.292.000
Trích quỹ	-	-	558.730.435	558.730.435	-	1.117.460.870
Lãi trong năm	-	-	-	-	14.817.013.414	14.817.013.414
Giảm trong năm	-	40.000.000	-	-	11.130.628.295	11.170.628.295
Chia cổ tức	-	-	-	-	9.025.312.500	9.025.312.500
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	2.105.315.795	2.105.315.795
Giảm vốn	-	40.000.000	-	-	-	40.000.000
Số dư tại 31/12/2010	100.000.000.000	23.410.417.000	1.613.735.616	1.613.735.616	14.817.013.414	141.454.901.646
Số dư tại 01/01/2011	100.000.000.000	23.410.417.000	1.613.735.616	1.613.735.616	14.817.013.414	141.454.901.646
Tăng trong năm	-	-	942.939.503	942.939.503	52.735.132.487	54.621.011.493
Trích quỹ	-	-	942.939.503	942.939.503	-	1.885.879.006
Lãi trong năm	-	-	-	-	52.735.132.487	52.735.132.487
Giảm trong năm	-	110.000.000	-	-	15.691.377.229	15.801.377.229
Chia cổ tức	-	-	-	-	10.500.000.000	10.500.000.000
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	3.974.425.302	3.974.425.302
Giảm khác	-	110.000.000	-	-	1.216.951.927	1.326.951.927
Số dư tại 31/12/2011	100.000.000.000	23.300.417.000	2.556.675.119	2.556.675.119	51.860.768.672	180.274.535.910

5.14 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

Cổ đông	Số vốn thực góp đến ngày 31/12/2011			
	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ	(VND)	Tỷ lệ
Tập đoàn Phát triển Nhà và Đô thị	51.000.000.000	51%	51.000.000.000	51%
Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	9.200.000.000	9,2%	9.200.000.000	9,2%
Cổ đông khác	39.800.000.000	39,8%	39.800.000.000	39,8%
Tổng	100.000.000.000	100%	100.000.000.000	100%

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	100.000.000.000	50.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	50.000.000.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	100.000.000.000	100.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	10.500.000.000	9.025.312.500

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Cổ tức công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:		
Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:	2.224	1.912
Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi:	-	-

đ. Cổ phiếu

	Năm 2011 Cổ phiếu	Năm 2010 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành đầu năm	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành cuối năm	10.000.000	10.000.000
Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)</i>	10.000	10.000

5.15 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Doanh thu xây lắp	504.548.388.562	592.170.502.439
Doanh thu kinh doanh bất động sản	518.139.881.826	43.163.666.656
Doanh thu khác	221.138.386	259.851.273
Tổng	1.022.909.408.774	635.594.020.368

5.16 Giá vốn

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Giá vốn xây lắp	495.060.007.251	570.151.411.835
Giá vốn kinh doanh bất động sản	408.177.412.328	32.368.140.524
Giá vốn khác	221.138.386	259.851.273
Tổng	903.458.557.965	602.779.403.632

5.17 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.056.550.238	7.692.509.067
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.387.500.000	1.413.720.000
Tổng	3.444.050.238	9.106.229.067

5.18 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lãi tiền vay	18.547.774.933	9.642.271.884
Chiết khấu thanh toán	15.993.273	-
Chi phí hoạt động tài chính khác	3.765.749	10.796.604
Tổng	18.567.533.955	9.653.068.488

5.19 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí nhân viên quản lý	27.081.145.098	10.594.317.569
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	633.707.239	1.254.292.695
Chi phí khấu hao TSCĐ	848.501.806	571.355.800
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	65.604.777	39.422.393
Thuế, phí và lệ phí	48.513.855	237.978.654
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.622.451.529	1.662.283.306
Chi phí bằng tiền khác	3.205.719.003	1.367.287.507
Tổng	34.505.643.307	15.726.937.924

5.20 Thu nhập khác

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Thu nhập từ cho thuê công cụ dụng cụ	-	2.234.238.429
Thu nhập từ thanh lý công cụ dụng cụ	-	108.413.182
Thu phạt vi phạm hợp đồng, thu phạt mất tài sản	-	176.615.000
Đánh giá tăng giá trị tài sản góp vốn	-	441.921.331
Thu nhập khác	31.695.549	120.836.852
Tổng	31.695.549	3.082.024.794

5.21 Chi phí khác

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Phân bổ giá trị của thiết bị cho thuê	-	286.610.998
Chi phí khác	2.409.351	20.678.968
Tổng	2.409.351	307.289.966

5.22 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2011	Năm 2010
Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	52.735.132.487	14.817.013.414
Các khoản điều chỉnh	-	-
<i>Điều chỉnh cổ tức của cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
<i>Điều chỉnh chênh lệch phát sinh do thanh toán cổ phiếu ưu đãi và những tác động tương tự của cổ phiếu ưu đãi đã phân loại vào</i>	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	52.735.132.487	14.817.013.414
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	10.000.000	5.301.370
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	5.274	2.795

5.23 Thuế Thu nhập doanh nghiệp

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	69.851.009.983	19.315.574.219
Điều chỉnh tăng	-	92.389.000
Điều chỉnh giảm (cổ tức HUD8, HUD102)	1.387.500.000	1.413.720.000
Lợi nhuận chịu thuế	68.463.509.983	17.994.243.219
Thuế suất áp dụng	25%	25%
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	17.115.877.496	4.498.560.805

5.24 Chi phí sản xuất theo yếu tố

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	348.100.555.873	342.455.840.825
Chi phí nhân công	156.805.676.196	113.268.638.358
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.069.563.284	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	56.768.281.032	296.704.879.313
Chi phí khác bằng tiền	33.731.928.803	11.830.926.283
Tổng	596.476.005.188	764.260.284.779

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011.

6.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các giao dịch với nhân sự chủ chốt và cổ đông

Bên liên quan	Môi quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc		Tiền lương và các khoản thu nhập khác	1.878.188.974	2.162.300.949

6.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Giao dịch mua hàng				
Tập đoàn Phát triển Nhà và Đô thị (HUD)	Công ty mẹ	Thi công xây dựng	257.911.295.551	57.638.487.968
		Tập đoàn thu phí quản lý	3.431.392.248	1.389.908.598
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà HUD4	Cùng Tập đoàn	Chi phí thi công	299.818.181	36.363.636
Công ty CP Xây dựng HUD101	Công ty con	Chi phí thi công	44.244.536.805	56.192.700.585
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1.02	Công ty con	Chi phí thi công	105.258.448.534	99.238.892.290
Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Giao dịch bán hàng				
Tập đoàn Phát triển Nhà và Đô thị (HUD)	Công ty mẹ	Thi công xây dựng	235.967.382.588	298.318.177.496
		Tiền điện các dự án	-	42.919.563
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà HUD4	Cùng Tập đoàn	Thu tiền điện các dự án	-	191.970.815
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD6	Cùng Tập đoàn		674.225.873	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Bất động sản HUDLAND	Cùng Tập đoàn	Thi công xây dựng	20.261.811.818	13.973.867.273
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà & Đô thị số 9	Cùng Tập đoàn	Thi công xây dựng	3.859.281.818	6.408.498.182
Công ty CP Xi măng Sông Thao	Cùng Tập đoàn	Thi công xây dựng	13.779.808.429	4.620.886.570
Công ty Cổ phần Đầu tư Tam Đảo	Cùng Tập đoàn	Thi công xây dựng	-	924.834.545
Công ty CP Xây dựng HUD101	Cùng Tập đoàn	Công cụ dụng cụ	-	209.529.982
		Tiền điện	8.766.274	-
		Thi công xây dựng	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1.02	Cùng Tập đoàn	Thu tiền điện các dự án	21.385.885	68.779.610
Cty CP đầu tư Phát triển Nhà và đô thị Nha Trang	Cùng Tập đoàn	Thi công xây dựng	-	2.073.898.182
Giao dịch khác				
Tập đoàn Phát triển Nhà và Đô thị (HUD)	Công ty mẹ	Chi cổ tức	-	4.610.878.000
		Phí BĐH, phí chuyên gia hòa giải	3.431.392.248	3.654.798.082
		Lãi chậm trả	19.254.142.833	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1.02	Công ty con	Thu lãi cho vay vốn	1.071.671.514	2.666.564.519

6.3 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Các khoản phải thu				
Tập đoàn Phát triển Nhà và Đô thị (HUD)	Công ty mẹ	Phải thu khác	-	8.456.121
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà HUD4	Cùng Tập đoàn	Phải thu KH	-	4.878.898
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD6	Cùng Tập đoàn	Phải thu KH	3.083.907.000	2.345.591.940
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Bất động sản HUDLAND	Cùng Tập đoàn	Phải thu KH	30.152.100	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà & Đô thị số 9	Cùng Tập đoàn	Phải thu KH	3.448.651.540	3.328.230.531
Công ty CP Đầu tư Tam Đảo	Cùng Tập đoàn	Phải thu KH	-	8.001.859.880
Công ty CP Xây dựng HUD101	Công ty con	Phải thu tiền hàng	-	575.632.980
		Tiền cổ tức	-	648.720.000
		Phải thu tiền hàng	-	33.748.505
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1.02	Công ty con	Tiền cổ tức	1.402.500.000	765.000.000
		Ứng trước cho người bán	15.666.212.455	43.370.010.414

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Các khoản phải trả				
Tập đoàn Phát triển Nhà và Đô thị (HUD)	Công ty mẹ	Khách hàng ứng trước	15.584.602.794	913.396.001
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD - CIC	Cùng Tập đoàn	Phải trả người bán	-	173.534.727.019*
		Phải trả người bán	467.836.000	467.836.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà HUD4	Cùng Tập đoàn	Phải trả người bán	-	36.363.636
Công ty Cổ phần Xây dựng HUD101	Cùng Tập đoàn	Phải trả người bán	4.575.158.944	14.195.058.256
Công ty CP Đầu tư & Phát triển BĐS HUDLAND	Cùng Tập đoàn	Khách hàng ứng trước	-	2.130.906.850
Cty CP Đầu tư Phát triển Nhà và đô thị Nha Trang	Cùng Tập đoàn	Khách hàng ứng trước	1.775.860.000	1.775.860.000
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Thao	Cùng Tập đoàn	Khách hàng ứng trước	3.316.791.805	16.504.119.077



6.4 Điều chỉnh hồi tố

Căn cứ theo Báo cáo kiểm toán của Đoàn kiểm toán Nhà nước về việc Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2010. Chênh lệch cụ thể như sau:

Bảng Cân đối kế toán

Chỉ tiêu	Số dư tại 01/01/2011	Số dư tại 31/12/2010	Chênh lệch
Phải thu khách hàng	104.666.410.051	93.113.949.817	11.552.460.234
Hàng tồn kho	508.302.837.550	518.366.187.703	(10.063.350.153)
Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ	4.035.857.116	5.086.080.774	(1.050.223.658)
Giá trị hao mòn lũy kế TSCĐ III	3.174.308.047	3.192.205.774	17.897.727
Cộng thay đổi Tài sản			456.784.150
Thuế TNDN phải nộp	1.612.140.296	1.497.944.258	114.196.038
Lợi nhuận chưa phân phối	14.817.013.414	14.474.425.302	342.588.112
Cộng thay đổi Nguồn vốn			456.784.150

Báo cáo Kết quả kinh doanh

Chỉ tiêu	Năm 2010 (sau điều chỉnh)	Năm 2010 (trước điều chỉnh)	Chênh lệch
Doanh thu bán hàng	635.594.020.368	625.091.783.792	10.502.236.576
Giá vốn hàng bán	602.779.403.632	592.716.053.479	10.063.350.153
Chi phí thuế TNDN	4.498.560.805	4.384.364.767	114.196.038
Lợi nhuận sau thuế	14.817.013.414	14.474.425.302	342.588.112
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.795	2.730	65

6.5 Số liệu so sánh

Báo cáo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh kiểm toán Việt Nam (CPAVIETNAM) - Thành viên Hãng kiểm toán Moore Stephens International Limited. Một số khoản mục đã được trình bày, phân loại lại cho phù hợp với mục đích trình bày Báo cáo tài chính năm hiện tại.

Người lập



Lê Thanh Hải

Kế toán trưởng



Nguyễn Huy Hưng

Hà Nội, ngày 28 tháng 2 năm 2012



Dương Tất Khiêm

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD 1
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	9 - 27

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 (gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty Xây lắp và Phát triển nhà số 1 thuộc Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị, được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 theo Quyết định số 1636/QĐ-BXD ngày 03 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0103003442 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 02 tháng 01 năm 2004. Theo đăng ký thay đổi lần 6 ngày 25 tháng 1 năm 2011, Công ty tăng vốn điều lệ từ 50 tỷ đồng lên 100 tỷ đồng.

Tên giao dịch tiếng Anh: HUD1 Investment and Construction Joint Stock Company

Tên viết tắt: HUD1., JSC.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Mã chứng khoán IIU1

Trụ sở chính của Công ty tại số 168 đường Giải Phóng, Phương Liệt, Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Công ty con

Các Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 là Công ty Cổ phần Xây dựng HUD101 và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1.02.

Công ty Cổ phần Xây dựng HUD101 là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam ban hành ngày 29/11/2005. Công ty Cổ phần Xây dựng HUD101 có trụ sở tại số 11, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, Hà Nội, ngành nghề kinh doanh là đầu tư và xây dựng. Tổng vốn điều lệ là 10.600.000.000 đồng, trong đó phần vốn góp của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 chiếm 51% vốn.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1.02 là Công ty con được thành lập theo Quyết định số 48/QĐ-HĐQT ngày 18/09/2008 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng IIUD1 trên cơ sở chuyển đổi Chi nhánh của Công ty tại thành phố Hồ Chí Minh. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng IIUD1.02 có vốn điều lệ là 25.000.000.000 đồng, trong đó phần vốn góp của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 chiếm 51% vốn điều lệ.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Dân	Chủ tịch
Ông Dương Tất Khiêm	Ủy viên
Ông Nguyễn Huy Hùng	Ủy viên
Ông Nguyễn Đình Thắng	Ủy viên
Ông Ngô Quang Đạo	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc

Ông Dương Tất Khiêm	Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Học	Phó Giám đốc
Ông Ngô Quang Đạo	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Việt Phương	Phó Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng kiểm toán Moore Stephens International Limited.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đã được thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay chưa;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở giả định hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.



Dương Tất Khiêm
Giám đốc

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2012

Số: 141 /2012/BCKT-BCTCIIN/CPA VIETNAM

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2011 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập ngày 06 tháng 03 năm 2012 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 (gọi tắt là "Công ty") từ trang 05 đến trang 27 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0779/KTV
Thay mặt và đại diện

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM
Thành viên Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.
Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2012

Bùi Thị Thúy
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0580/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		1.129.689.759.298	927.691.852.654
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	81.345.781.127	80.137.772.081
1. Tiền	111		78.345.781.127	60.137.772.081
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.000.000.000	20.000.000.000
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		299.316.909.915	198.549.182.068
1. Phải thu khách hàng	131		248.931.299.250	154.333.082.467
2. Trả trước cho người bán	132		47.711.704.509	32.880.552.947
5. Các khoản phải thu khác	135	5.2	2.735.982.570	11.397.623.068
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(62.076.414)	(62.076.414)
IV- Hàng tồn kho	140	5.3	716.344.516.652	618.693.414.479
1. Hàng tồn kho	141		716.344.516.652	618.693.414.479
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		32.682.551.604	30.311.484.026
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	40.000.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.586.482.062	4.035.857.116
3. Thuế và các khoản khác phải thu NN	154		237.305.579	38.372.571
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.4	27.858.763.963	26.197.254.339
B- TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260+270)	200		43.342.259.956	38.688.418.217
I- Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II- Tài sản cố định	220		17.580.347.585	16.291.981.267
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.5	15.530.247.313	14.515.615.067
<i>Nguyên giá</i>	222		32.245.462.376	28.607.247.972
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(16.715.215.063)	(14.091.632.905)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.6	1.776.366.200	1.776.366.200
<i>Nguyên giá</i>	228		1.776.366.200	1.776.366.200
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		273.734.072	-
III- Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		15.824.075.998	5.934.494.782
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.7	824.075.998	934.494.782
3. Đầu tư dài hạn khác	258	5.8	15.000.000.000	5.000.000.000
V- Lợi thế thương mại	260		-	-
VI- Tài sản dài hạn khác	270		9.937.836.373	16.461.942.168
1. Chi phí trả trước dài hạn	271	5.9	9.813.405.888	16.239.118.055
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272	5.10	124.430.485	222.824.113
TỔNG TÀI SẢN (280 = 100+200)	280		1.173.032.019.254	966.380.270.871

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		972.527.380.710	805.019.980.859
I- Nợ ngắn hạn	310		967.360.149.177	724.983.322.665
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.11	250.149.772.698	255.560.432.729
2. Phải trả người bán	312		450.430.152.262	389.938.643.645
3. Người mua trả tiền trước	313		204.203.241.667	64.670.142.689
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.12	10.197.712.284	4.822.010.465
5. Phải trả người lao động	315		3.993.029.000	-
6. Chi phí phải trả	316	5.13	5.961.011.470	757.324.058
9. Các khoản phải trả, phải nộp NH khác	319	5.14	40.467.980.364	8.764.672.333
11. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		1.957.249.432	470.096.746
II- Nợ dài hạn	330		5.167.231.533	80.036.658.194
1. Vay và nợ dài hạn	334	5.15	5.038.000.000	79.973.031.438
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		129.231.533	63.626.756
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430+439)	400		200.504.638.544	161.360.290.012
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.16	180.543.765.335	141.893.881.921
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		23.300.417.000	23.410.417.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		3.095.452.024	1.940.721.487
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.889.406.554	1.734.676.018
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		51.258.489.757	14.808.067.416
C- LỢI ÍCH CÓ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		19.960.873.209	19.466.408.091
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		1.173.032.019.254	966.380.270.871

Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2012

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc





Lê Thanh Hải

Nguyễn Huy Hưng

Dương Tất Khiêm

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2011	Năm 2010
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.17	1.150.653.241.691	739.748.493.728
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.17	1.150.653.241.691	739.748.493.728
4. Giá vốn hàng bán	11	5.18	1.018.996.888.311	693.941.980.732
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		131.656.353.380	45.806.512.996
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.19	5.803.528.112	14.920.005.032
7. Chi phí tài chính	22	5.20	19.994.250.882	16.638.425.138
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		19.501.991.860	16.572.095.859
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.21	45.757.378.605	25.313.767.133
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		71.708.252.005	18.774.325.757
11. Thu nhập khác	31	5.22	1.706.627.001	5.757.700.632
12. Chi phí khác	32	5.23	1.288.426.409	1.393.741.253
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		418.200.592	4.363.959.379
14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		(110.418.784)	(65.505.218)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		72.016.033.813	23.072.779.918
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.24	17.844.113.146	5.807.668.534
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		32.669.555	23.927.224
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		54.139.251.112	17.241.184.160
19. Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		1.037.836.857	2.051.285.259
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62		53.101.414.255	15.189.898.901
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.25	5.310	2.865

Người lập



Lê Thanh Hải

Kế toán trưởng



Nguyễn Huy Hưng

Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2012



Đương Tất Khiêm

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	1.370.475.424.848	881.752.827.126
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(1.122.934.394.975)	(842.123.495.556)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(58.745.868.571)	(119.925.637.073)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(40.167.317.953)	(37.244.701.955)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(14.071.085.880)	(6.949.574.662)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	12.205.937.040	12.551.533.576
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(52.917.384.612)	(11.894.245.792)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	93.845.309.897	(123.833.294.336)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(4.612.858.182)	(3.422.346.207)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	612.500.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(10.000.000.000)	(6.398.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.584.528.800	3.528.506.717
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(12.028.329.382)	712.262.510
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	67.692.292.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	464.331.699.522	469.348.013.273
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(541.317.390.991)	(367.822.671.333)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.623.280.000)	(18.009.312.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(80.608.971.469)	151.208.321.440
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	1.208.009.046	28.087.289.614
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	80.137.772.081	52.050.482.467
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	81.345.781.127	80.137.772.081

Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2012

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Lê Thanh Hải

Nguyễn Huy Hưng

Dương Tất Khiêm

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 (gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty Xây lắp và Phát triển Nhà số 1 thuộc Tổng Công ty Đầu tư phát triển Nhà và Đô thị, được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 theo Quyết định số 1636/QĐ-BXD ngày 03 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0103003442 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 02 tháng 01 năm 2004. Theo Đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 25 tháng 1 năm 2011, Vốn điều lệ 100 tỷ đồng.

Sở hữu vốn:

Cổ đông	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ sở hữu
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị (nay là Tập đoàn Phát triển Nhà và Đô thị)	5.100.000	51.000.000.000	51%
Các cổ đông khác	4.900.000	49.000.000.000	49%
Cộng	10.000.000	100.000.000.000	100%

Các Công ty con

Công ty Cổ phần Xây dựng HUD101

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1.02

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính

- Đầu tư kinh doanh phát triển nhà, khu đô thị và khu công nghiệp;
- Thi công xây lắp các loại công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, bưu chính viễn thông, đường dây và trạm biến thế điện, công trình kỹ thuật hạ tầng trong các khu đô thị, khu công nghiệp, thi công lắp đặt thiết bị kỹ thuật công trình, hệ thống cứu hỏa, trang trí nội ngoại thất các công trình xây dựng;
- Tư vấn, thiết kế các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng, công nghiệp xây dựng, công nghệ xây dựng;
- Thi công lắp đặt hệ thống thông gió, chiếu sáng, hệ thống điện, điện lạnh;
- Tư vấn, giám sát xây dựng và hoàn thiện các công trình dân dụng và công nghiệp;

Hoạt động chính của Công ty trong năm 2011: Đầu tư kinh doanh nhà, khu đô thị, xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 được hợp nhất trên cơ sở Báo cáo tài chính của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1, các Công ty con là Công ty Cổ phần Xây dựng HUD101, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1.02.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 Hướng dẫn sửa đổi bổ sung, chế độ kế toán Doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán đã được ban hành và có hiệu lực có liên quan đến việc soạn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Không có Chuẩn mực kế toán mới nào lần đầu tiên áp dụng trong năm tài chính 2011.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao để dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập trên cơ sở đánh giá khả năng thu hồi công nợ của Công ty và theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 về hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản**Thời gian khấu hao (Năm)**

Nhà xưởng, vật kiến trúc	06 - 50
Máy móc, thiết bị	02 - 07
Phương tiện vận tải	07
Dụng cụ quản lý	03 - 05

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình chủ yếu thể hiện giá trị quyền sử dụng đất lâu dài và có thời hạn của các lô đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất, quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban giám đốc Công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ và dụng cụ, thiết bị thi công được phân bổ dần vào chi phí theo thời gian sử dụng của tài sản.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán hợp nhất của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Hợp đồng xây dựng**

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Việc xác định doanh thu của hợp đồng xây dựng chịu tác động của nhiều yếu tố không chắc chắn vì chúng tùy thuộc vào các sự kiện xảy ra trong tương lai. Việc ước tính thường phải được sửa đổi khi các sự kiện đó phát sinh và những yếu tố không chắc chắn được giải quyết.

Vi vậy, lãi, lỗ thực tế của mỗi công trình thường chỉ được xác định đúng khi công trình đã hoàn thành, giá trị công trình đã được quyết toán và lãi, lỗ đối với phần khối lượng hoàn thành trong từng năm có thể chưa phản ánh đúng thực tế hoạt động kinh doanh của năm đó.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Tiền mặt	10.985.391.113	9.911.017.983
Tiền gửi ngân hàng	67.360.390.014	50.226.754.098
Các khoản tương đương tiền	3.000.000.000	20.000.000.000
Tổng	81.345.781.127	80.137.772.081

5.2 Các khoản phải thu khác

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Cổ tức năm 2010 đã tạm ứng cho cổ đông	-	7.500.000.000
Phải thu khác	2.735.982.570	3.897.623.068
<i>Ban Quản lý điều hành dự án - TH3 TP HCM</i>	<i>1.637.592.825</i>	-
<i>Hệ thống thoát nước Nha Trang</i>	<i>734.695.872</i>	-
<i>(Tiền lương, công cụ dụng cụ, phí bảo lãnh)</i>		
<i>Tiền đền bù tài sản hoa màu</i>	-	1.216.951.974
<i>Dự án Vân Canh</i>		
Phải thu khác	363.693.873	2.680.671.094
Tổng	2.735.982.570	11.397.623.068

5.3 Hàng tồn kho

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Công cụ, dụng cụ	-	3.454.545
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	716.344.516.652	618.689.959.934
Tổng	716.344.516.652	618.693.414.479

5.4 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Tạm ứng	27.858.763.963	25.936.764.153
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	260.490.186
Tổng	27.858.763.963	26.197.254.339

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUDI

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.5 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Năm 2011	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
<i>Nguyên giá</i>					
Tại ngày 01 tháng 01	5.521.719.410	17.123.270.193	5.111.425.007	850.833.362	28.607.247.972
Tăng trong năm	-	2.328.481.818	2.271.426.364	12.950.000	4.612.858.182
Mua trong năm	-	2.328.481.818	2.271.426.364	12.950.000	4.612.858.182
Giảm trong năm	-	974.643.778	-	-	974.643.778
Thanh lý, nhượng bán	-	974.643.778	-	-	974.643.778
Tại ngày 31 tháng 12	5.521.719.410	18.477.108.233	7.382.851.371	863.783.362	32.245.462.376
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>					
Tại ngày 01 tháng 01	1.145.255.139	10.133.167.245	2.302.055.723	511.154.798	14.091.632.905
Tăng trong năm	271.222.488	2.077.046.119	729.325.474	113.096.312	3.190.690.393
Khấu hao trong năm	271.222.488	2.077.046.119	729.325.474	113.096.312	3.190.690.393
Giảm trong năm	-	567.108.235	-	-	567.108.235
Thanh lý, nhượng bán	-	567.108.235	-	-	567.108.235
Tại ngày 31 tháng 12	1.416.477.627	11.643.105.129	3.031.381.197	624.251.110	16.715.215.063
<i>Giá trị còn lại</i>					
Tại ngày 01 tháng 01	4.376.464.271	6.990.102.948	2.809.369.284	339.678.564	14.515.615.067
Tại ngày 31 tháng 12	4.105.241.783	6.834.003.104	4.351.470.174	239.532.252	15.530.247.313

5.6 Tài sản cố định vô hình

Giá trị tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất với diện tích 209m² tại thửa đất số 73-109 tờ bản đồ số 2,3 nền 1, lô 1 Bình Trưng Đông, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.7 Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh

	31/12/2011		31/12/2010	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	100.000	824.075.998	100.000	934.494.782
<i>Công ty Cổ phần Kiến trúc và Xây dựng CIC DECOR</i>	<i>100.000</i>	<i>824.075.998</i>	<i>100.000</i>	<i>934.494.782</i>
Tổng	100.000	824.075.998	100.000	934.494.782

Thông tin về Công ty liên kết, liên doanh

Công ty	Ngành nghề	Vốn điều lệ	% sở hữu theo cam kết	% sở hữu thực tế 31/12/2011
Công ty Cổ phần Kiến trúc và Xây dựng CIC DECOR	Thiết kế, kinh doanh nội thất	5.000.000.000	20%	20%

5.8 Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển HUD8 (1)	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty TNHH Đại Thiên Lộc (2)	10.000.000.000	-
Tổng	15.000.000.000	5.000.000.000

(1): Giá trị của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển HUD8. Tổng giá trị vốn góp dự kiến là 5.000.000.000 đồng tương đương với 10% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển HUD8, số vốn thực tế góp đến thời điểm 31/12/2010 là 5.000.000.000 đồng.

(2): Theo Hợp đồng hợp tác Đầu tư số 02/HĐHTĐT ngày 19/5/2010 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng và Công ty TNHH Đại Thiên Lộc hợp tác đầu tư xây dựng hạ tầng và kinh doanh Dự án Trạm dừng nghỉ xe đường dài Đại Thiên Lộc. Theo hợp đồng Công ty HUD1 góp vốn kinh doanh bằng tiền mặt với số vốn góp là 30 tỷ đồng. Tính đến 31/12/2011 Công ty đã góp 10 tỷ.

5.9 Chi phí trả trước dài hạn

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Tại ngày 1 tháng 1	16.239.118.055	12.423.375.221
Tăng	810.648.410	8.526.059.861
Phân bổ vào chi phí trong năm	6.557.317.995	4.686.076.122
Giảm khác	679.042.582	24.240.905
Tại ngày 31 tháng 12	9.813.405.888	16.239.118.055

Số dư chi phí trả trước dài hạn là giá trị công cụ, dụng cụ chờ phân bổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.10 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	124.430.485	222.824.113
Tổng	124.430.485	222.824.113

5.11 Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Vay Ngân hàng	250.149.772.698	224.580.432.729
<i>Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam -CN Hà Nội (1)</i>	<i>233.071.848.298</i>	<i>209.278.502.142</i>
<i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam</i>	<i>8.080.631.020</i>	<i>8.725.802.587</i>
<i>Ngân hàng Liên Việt</i>	-	-
<i>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh</i>	<i>8.997.293.380</i>	<i>6.576.128.000</i>
Vay cá nhân	-	27.980.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Thủ Thiêm	-	3.000.000.000
Tổng	250.149.772.698	255.560.432.729

(1): Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2011/HĐTD ngày 23/08/2011. Vay tối đa 250 tỷ đồng để bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay theo từng Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể. Lãi suất cho vay điều chỉnh định kỳ hoặc đột biến do yêu cầu biến động lãi suất. Kỳ hạn trả nợ lãi được xác định tại Hợp đồng tín dụng cụ thể. Tài sản thế chấp gồm: Trụ sở làm việc tại số 168 đường Giải Phóng, 01 xe ô tô tải Vinaxuky, 02 xe ô tô Toyota Camry, 02 xe Toyota Innova.

5.12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Thuế giá trị gia tăng	3.796.562.964	2.159.177.445
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.384.133.377	2.611.106.163
Thuế thu nhập cá nhân	17.015.943	51.726.857
Tổng	10.197.712.284	4.822.010.465

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.13 Chi phí phải trả

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Trích trước chi phí thi công dự án nhà thấp tầng Xuân Diệu	1.664.551.718	-
Chi phí lãi vay	604.684.335	704.079.599
Trích trước 0.5% phí quản lý Tổng Công ty công trình nhà 7A	-	53.244.459
Trích trước chi phí công trình Cục công nghệ thông tin	1.581.710.872	-
Trích trước chi phí xây dựng, chi phí trồng cây xanh tại dự án Xuân Diệu	2.110.064.545	-
Tổng	5.961.011.470	757.324.058

5.14 Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Kinh phí công đoàn	426.675.749	446.700.993
Bảo hiểm xã hội	87.590.132	108.504.059
Bảo hiểm y tế	5.536.379	53.660.915
Bảo hiểm thất nghiệp	1.919.566	14.774.654
Các khoản phải trả, phải nộp khác	39.946.258.538	8.141.031.712
<i>Phải trả các đội thi công</i>	<i>33.806.309.481</i>	<i>7.569.161.449</i>
<i>Phải trả lãi vay</i>	<i>118.754.940</i>	<i>66.747.461</i>
<i>Phí quản lý, phí dịch vụ dự án Vân Canh</i>	<i>1.513.360.000</i>	-
<i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>4.507.834.117</i>	<i>505.122.802</i>
Tổng	40.467.980.364	8.764.672.333

5.15 Vay và nợ dài hạn

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Vay Ngân hàng	5.038.000.000	79.973.031.438
<i>Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (1)</i>	<i>5.038.000.000</i>	<i>52.954.909.249</i>
<i>Ngân hàng Cổ phần Thương mại Đại Tín</i>	-	<i>27.018.122.189</i>
Tổng	5.038.000.000	79.973.031.438

(1): Hợp đồng tín dụng trung hạn số 01/2009/HĐTĐTH ngày 03/07/2009, tổng số tiền vay theo hợp đồng là 90 tỷ đồng, khoản vay này được sử dụng cho việc đầu tư xây dựng công trình "Nhà ở thấp tầng lô BT15, LK36; LK39, LK40 và LK42 khu đô thị mới Vân Canh, Hoài Đức, Hà Nội". thời hạn vay 2 năm. Lãi suất theo lãi suất thả nổi điều chỉnh 3 tháng/lần kể từ ngày ký hợp đồng. Khoản tiền vay này được thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.16 Vốn đầu tư của Chủ sở hữu**Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Tập đoàn Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị	51.000.000.000	51.000.000.000
Các cổ đông khác	49.000.000.000	49.000.000.000
Tổng	100.000.000.000	100.000.000.000

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	: 10.000.000 cổ phiếu
Số cổ phiếu phổ thông	: 10.000.000 cổ phiếu
Số cổ phiếu ưu đãi	: 0 cổ phiếu
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	: 10.000 đồng/cổ phiếu.

Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	100.000.000.000	50.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm		50.000.000.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	100.000.000.000	100.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	10.500.000.000	9.025.312.500

Cổ phiếu

	Năm 2011 Cổ phiếu	Năm 2010 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành đầu năm	10.000.000	1.949.375
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành cuối năm	10.000.000	10.000.000
Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: (VND)</i>	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUDI

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.16 Vốn đầu tư của chủ sở hữu (Tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2010	50.000.000.000	5.848.125.000	1.136.461.596	1.136.461.596	11.190.334.344	69.311.382.536
Tăng trong năm	50.000.000.000	17.602.292.000	804.259.891	598.214.422	15.189.898.901	84.194.665.214
Tăng vốn	50.000.000.000	17.602.292.000	-	-	-	67.602.292.000
Lãi	-	-	-	-	15.189.898.901	15.189.898.901
Trích quỹ	-	-	804.259.891	598.214.422	-	1.402.474.313
Giảm trong năm	-	40.000.000	-	-	11.572.165.829	11.612.165.829
Trích quỹ	-	-	-	-	2.546.853.329	2.546.853.329
Chia cổ tức	-	-	-	-	9.025.312.500	9.025.312.500
Giảm khác	-	40.000.000	-	-	-	40.000.000
Số dư tại 31/12/2010	100.000.000.000	23.410.417.000	1.940.721.487	1.734.676.018	14.808.067.416	141.893.881.921
Số dư tại 01/01/2011	100.000.000.000	23.410.417.000	1.940.721.487	1.734.676.018	14.808.067.416	141.893.881.921
Tăng trong năm	-	-	1.154.730.537	1.154.730.536	53.101.414.255	55.410.875.328
Lãi	-	-	-	-	53.101.414.255	53.101.414.255
Trích quỹ	-	-	1.154.730.537	1.154.730.536	-	2.309.461.073
Giảm trong năm	-	110.000.000	-	-	16.650.991.914	16.760.991.914
Giảm khác	-	110.000.000	-	-	1.909.508.635	2.019.508.635
Chia cổ tức	-	-	-	-	10.500.000.000	10.500.000.000
Trích quỹ	-	-	-	-	4.241.483.279	4.241.483.279
Số dư tại 31/12/2011	100.000.000.000	23.300.417.000	3.095.452.024	2.889.406.554	51.258.489.757	180.543.765.335

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/IN

5.17 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Doanh thu xây lắp	629.510.868.315	694.342.224.592
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	2.781.353.164	256.611.207
Doanh thu kinh doanh bất động sản	518.139.881.826	43.163.666.656
Doanh thu khác	221.138.386	1.985.991.273
Tổng	1.150.653.241.691	739.748.493.728

5.18 Giá vốn hàng bán

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Giá vốn xây lắp	608.686.983.157	659.278.320.781
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm	1.911.354.440	256.611.207
Giá vốn kinh doanh bất động sản	408.177.412.328	32.368.140.524
Giá vốn khác	221.138.386	2.038.908.220
Tổng	1.018.996.888.311	693.941.980.732

5.19 Doanh thu tài chính

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.053.528.112	14.920.005.032
Cổ tức, lợi nhuận được chia HUD8	750.000.000	-
Tổng	5.803.528.112	14.920.005.032

5.20 Chi phí tài chính

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lãi tiền vay	19.501.991.860	16.572.095.859
Chiết khấu thanh toán	15.993.273	-
Chi phí hoạt động tài chính khác	476.265.749	66.329.279
Tổng	19.994.250.882	16.638.425.138

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÃU B 09 - DN/HN

5.21 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí nhân viên quản lý	33.572.514.998	16.209.870.133
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	1.226.792.401	1.495.388.502
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.867.018.475	1.661.878.069
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	65.604.777	39.422.393
Thuế, phí và lệ phí	306.975.204	453.995.859
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.392.885.160	3.081.065.409
Chi phí bằng tiền khác	4.325.587.590	2.372.146.768
Tổng	45.757.378.605	25.313.767.133

5.22 Thu nhập khác

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Thu nhập từ cho thuê công cụ, dụng cụ	-	3.952.159.062
Thu nhập từ thanh lý tài sản	1.292.555.998	957.755.205
Thu nhập từ thanh lý công cụ, dụng cụ	-	108.413.182
Thu phạt vi phạm hợp đồng, thu phạt mất tài sản	-	176.615.000
Đánh giá tăng giá trị tài sản góp vốn	-	441.921.331
Thu nhập khác	414.071.003	120.836.852
Tổng	1.706.627.001	5.757.700.632

5.23 Chi phí khác

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Phân bổ giá trị của thiết bị cho thuê	-	615.898.094
Giá trị còn lại của tài sản, thiết bị thanh lý	1.086.578.125	757.164.191
Chi phí khác	201.848.284	20.678.968
Tổng	1.288.426.409	1.393.741.253

5.24 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	72.763.952.597	24.552.005.136
Điều chỉnh tăng	-	92.389.000
Điều chỉnh giảm (cổ tức HUD8, HUD102)	1.387.500.000	1.413.720.000
Lợi nhuận chịu thuế	71.376.452.597	23.230.674.136
Thuế suất áp dụng	25%	25%
Tổng chi phí thuế TNDN năm hiện hành	17.844.113.146	5.807.668.534

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.25 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2011	Năm 2010
Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	53.101.414.255	15.189.898.901
Các khoản điều chỉnh	-	-
<i>Điều chỉnh cổ tức của cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
<i>Điều chỉnh chênh lệch phát sinh do thanh toán cổ phiếu ưu đãi và những tác động tương tự của cổ phiếu ưu đãi đã phân loại vào</i>	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	53.101.414.255	15.189.898.901
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	10.000.000	5.301.370
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	5.310	2.865

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011.

6.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan*Các giao dịch với nhân sự chủ chốt và cổ đông*

Bên liên quan	Môi quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc		Tiền lương và các khoản thu nhập khác	1.878.188.974	2.162.300.949

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan	Môi quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Giao dịch mua hàng				
Tập đoàn Phát triển Nhà và Đô thị (HUD)	Công ty mẹ	Thi công xây dựng	257.911.295.551	57.638.487.968
		Tập đoàn thu phí quản lý	3.431.392.248	1.389.908.598
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà HUD4	Cùng Tập đoàn	Chi phí thi công	299.818.181	36.363.636

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

6.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác (Tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Giao dịch bán hàng				
Tập đoàn Phát triển Nhà và Đô thị (HUD)	Công ty mẹ	Thi công xây dựng	235.967.382.588	298.318.177.496
		Tiền điện các dự án	-	42.919.563
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà HUD4	Cùng Tập đoàn	Thu tiền điện các dự án	-	191.970.815
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD6	Cùng Tập đoàn		674.225.873	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Bất động sản HUDLAND	Cùng Tập đoàn	Thi công xây dựng	20.261.811.818	13.973.867.273
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà & Đô thị số 9	Cùng Tập đoàn	Thi công xây dựng	3.859.281.818	6.408.498.182
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Thao	Cùng Tập đoàn	Thi công xây dựng	13.779.808.429	4.620.886.570
Công ty Cổ phần Đầu tư Tam Đảo	Cùng Tập đoàn	Thi công xây dựng	-	924.834.545
Cty CP Đầu tư phát triển Nhà và Đô thị Nha Trang	Cùng Tập đoàn	Thi công xây dựng	-	2.073.898.182
Giao dịch khác				
Tập đoàn Phát triển Nhà và Đô thị (HUD)	Công ty mẹ	Chi cổ tức	-	4.610.878.000
		Phí BDH, phí chuyên gia hòa giải	3.431.392.248	3.654.798.082
		Lãi chậm trả	19.254.142.833	-

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Các khoản phải thu				
Tập đoàn Phát triển Nhà và Đô thị (HUD)	Công ty mẹ	Phải thu khác	-	8.456.121
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà HUD4	Cùng Tập đoàn	Phải thu KH	-	4.878.898
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD6	Cùng Tập đoàn	Phải thu KH	3.083.907.000	2.345.591.940
Công ty CP Đầu tư và phát triển Bất động sản HUDLAND	Cùng Tập đoàn	Phải thu KH	30.152.100	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà & Đô thị số 9	Cùng Tập đoàn	Phải thu KH	3.448.651.540	3.328.230.531
Công ty Cổ phần Đầu tư Tam Đảo	Cùng Tập đoàn	Phải thu KH	-	8.001.859.880

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

6.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Các khoản phải trả				
Tập đoàn Phát triển Nhà và Đô thị (HUD)	Công ty mẹ	Khách hàng ứng trước	15.584.602.794	913.396.001
		Phải trả người bán		173.534.727.019
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD - CIC	Cùng Tập đoàn	Phải trả người bán	467.836.000	467.836.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà HUD4	Cùng Tập đoàn	Phải trả người bán	-	36.363.636
Công ty CP Đầu tư & Phát triển BĐS HUDI.AND	Cùng Tập đoàn	Khách hàng ứng trước	-	2.130.906.850
Cty CP Đầu tư Phát triển Nhà và đô thị Nha Trang	Cùng Tập đoàn	Khách hàng ứng trước	1.775.860.000	1.775.860.000
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Thao	Cùng Tập đoàn	Khách hàng ứng trước	3.316.791.805	16.504.119.077

6.3 Điều chỉnh hồi tố

Căn cứ theo Báo cáo kiểm toán của Đoàn kiểm toán Nhà nước về việc Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2010. Chênh lệch cụ thể như sau:

Bảng Cân đối kế toán

Chỉ tiêu	Số dư tại 01/01/2011	Số dư tại 31/12/2010	Chênh lệch
Phải thu khách hàng	154.333.082.467	142.780.622.233	11.552.460.234
Hàng tồn kho	618.693.414.479	628.756.764.632	(10.063.350.153)
Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ	4.035.857.116	5.086.080.774	(1.050.223.658)
Giá trị hao mòn lũy kế TSCĐ III	14.091.632.905	14.109.530.632	17.897.727
Cộng thay đổi Tài sản			456.784.150
Thuế TNDN phải nộp	2.611.106.163	2.496.910.125	114.196.038
Lợi nhuận chưa phân phối	14.808.067.416	14.465.479.304	342.588.112
Cộng thay đổi Nguồn vốn			456.784.150

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

6.3 Điều chỉnh hồi tố (Tiếp theo)

Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh

Chỉ tiêu	Năm 2010 (sau điều chỉnh)	Năm 2010 (trước điều chỉnh)	Chênh lệch
Doanh thu bán hàng	739.748.493.728	729.246.257.152	10.502.236.576
Giá vốn hàng bán	693.941.980.732	683.878.630.579	10.063.350.153
Chi phí thuế TNDN	5.807.668.534	5.693.472.496	114.196.038
Lợi nhuận sau thuế	15.189.898.901	14.847.310.789	342.588.112
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.865	2.819	46

6.4 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited. Một số khoản mục đã được trình bày, phân loại lại cho phù hợp với mục đích trình bày Báo cáo tài chính năm hiện tại.

Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2012

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Lê Thanh Hải

Nguyễn Huy Hưng

Dương Tất Khiêm



GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kiểm toán độc lập

Đơn vị kiểm toán độc lập

Đơn vị kiểm toán: Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam

Trụ sở chính: Số 17 Lô 2C – Khu đô thị Trung Yên - Đường Trung Hoà - Quận Cầu Giấy – TP. Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 783 2121

Fax: (84-4) 783 2122

Ý kiến kiểm toán độc lập

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ Kế toán hiện hành và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Các nhận xét đặc biệt

Không có





CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của Công ty

TẬP ĐOÀN PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ

Địa chỉ : Số 91 Nguyễn Chí Thanh, Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại : 04. 3773 8600 Fax : 04. 3773 8640

Tỉ lệ vốn góp tại Công ty: 51% vốn điều lệ.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính: Đầu tư các dự án Bất động sản và khu đô thị.

Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do Công ty nắm giữ

Công ty Cổ phần Xây dựng HUD101

Địa chỉ : Số 158/192, Lê Trọng Tấn, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Hà Nội

Điện thoại : 04 38689892 Fax : 04 3.8 689 810

Tỷ lệ sở hữu : 51% vốn điều lệ

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính: Xây lắp công nghiệp và dân dụng, thi công hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, cho thuê thiết bị.

Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1.02

Địa chỉ : Số 1, Lô J, Phường Bình Trưng Đông, Quận 2, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại : 0837 437 537 Fax : 0837 432 907

Tỷ lệ sở hữu : 51% vốn điều lệ

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính: Đầu tư và Xây lắp các công trình dân dụng, thi công hạ tầng đô thị và khu công nghiệp.

Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan

Trong năm 2010, Công ty có góp vốn với Công ty CP Tư vấn đầu tư và Xây dựng HUD-CIC thành lập Công ty CIC-DECOR số tiền 934.494.782 đồng - Nghị quyết 184A/NQ-HĐQT ngày 2/2/2010 của Hội đồng Quản trị Công ty thống nhất góp vốn thành lập Công ty CP Kiến trúc và Xây dựng CIC- DECOR với số vốn điều lệ là 5 tỷ đồng, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 góp 1 tỷ đồng gồm nhà xưởng, thiết bị của xưởng mộc và trang trí nội ngoại thất (tương đương 20% vốn điều lệ).





Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty liên quan

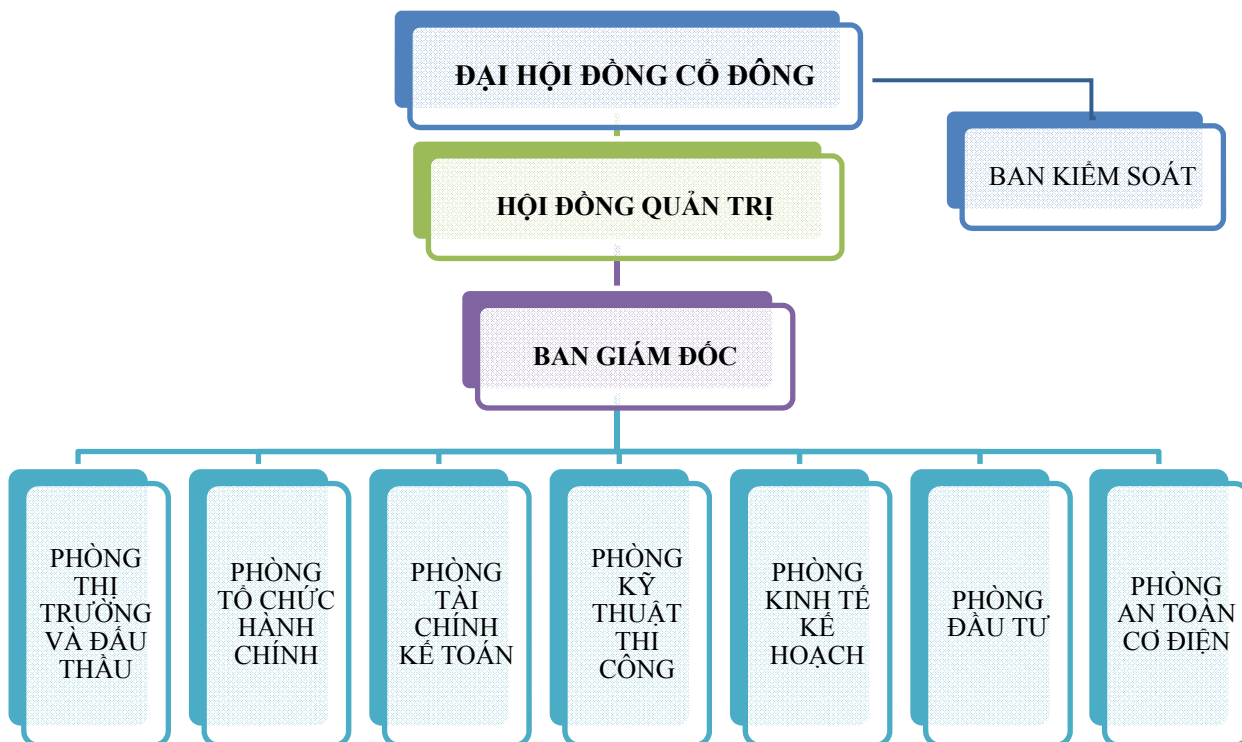
Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu tài chính năm 2011	Công ty HUD101	Công ty HUD1.02
Tổng tài sản	118.657	114.787
Vốn chủ sở hữu	13.288	25.903
Vốn điều lệ	10.600	25.000
Sản lượng	200.151	151.275
Doanh thu	160.452	99.968
Lợi nhuận sau thuế	1.695	2.232
Cổ tức	5%	5%
Tỷ suất LN sau thuế/Doanh thu	1,06%	2,23%
Tỷ suất LN sau thuế/VĐL	16%	8,93%



TỔ CHỨC NHÂN SỰ

Cơ cấu tổ chức của Công ty



Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành

Ông Dương Tất Khiêm – Giám đốc

Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ kỹ thuật + Kỹ sư xây dựng

Các vị trí quản lý đã nắm giữ:

- ▶ 1/2005 – 5/2006: Phó Phòng quản lý dự án Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị
- ▶ 5/2006 – 6/2008: Phó Giám đốc HUD1
- ▶ 6/2008 – nay: Giám đốc HUD1
- ▶ 9/2008 – nay: Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc CTCP Đầu tư và Xây dựng HUD1

Ông Ngô Quang Đạo – Phó Giám đốc

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng

Các vị trí quản lý đã nắm giữ:

- ▶ 11/1991 – 3/2003: Cán bộ Kỹ thuật, Đội trưởng Đội Xây dựng tại Công ty Xây dựng Bảo tàng Hồ Chí Minh - Tổng Công ty Xây Dựng
- ▶ 3/2003 – 4/2008: Đội trưởng Đội Xây dựng 105 của HUD1
- ▶ 5/2008 – 6/2010: Bí thư Đảng ủy kiêm Phó Giám đốc HUD1
- ▶ 7/2010 – nay: UV HĐQT kiêm Phó Giám đốc Công ty HUD1

Ông Nguyễn Đình Học – Phó Giám đốc

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng

Các vị trí quản lý đã nắm giữ:

- ▶ 1995-2005: Đội trưởng – Công ty Xây dựng số 4-Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội
- ▶ 2006-8/2007: Đội trưởng – Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng số 4 - Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội
- ▶ 9/2007 - nay: Phó Giám đốc CTCP Đầu tư và Xây dựng HUD1



Ông Nguyễn Việt Phương – Phó Giám đốc

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng

Các vị trí quản lý đã nắm giữ:

- ▶ 6/2005 – 5/2007: Phó Trưởng ban điều hành dự án C1B - Hải Phòng
- ▶ 6/2007 – 4/2008: Trưởng ban điều hành dự án C1B - Hải Phòng
- ▶ 5/2008 – nay: Phó Giám đốc HUD1

Ông Nguyễn Huy Hưng – Kế toán trưởng

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế - Thạc sỹ Kinh tế thương mại

Các vị trí quản lý đã nắm giữ:

- ▶ 1/2004-8/2005: Phó Phòng Kế toán Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1
- ▶ 9/2005-nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1
- ▶ Chức vụ khác trong Công ty: Thành viên Hội đồng Quản trị

Thay đổi Giám đốc điều hành trong năm

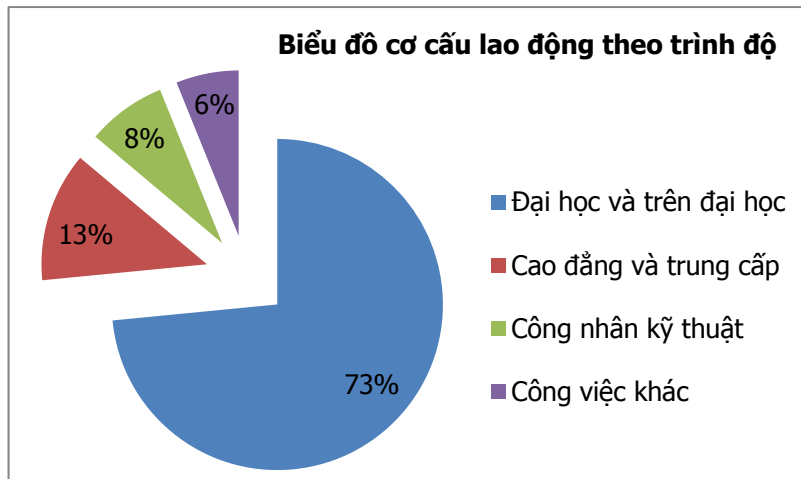
Không có

Quyền lợi của Ban Giám đốc

Tiền lương, thưởng của Ban Giám đốc và các quyền lợi khác của Ban Giám đốc được hưởng theo quy định của Công ty



Tình hình lao động và chính sách đối với người lao động



Chính sách lương, thưởng

Chính sách lương: Công ty xây dựng chính sách lương theo cơ sở thang bảng lương quy định của Nhà nước, trả lương theo hệ số năng suất của từng cá nhân và dựa trên hiệu quả kinh doanh của Công ty.

Công ty ký hợp đồng lao động với người lao động, đảm bảo các chính sách cơ bản về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, khám sức khỏe, có chính sách khen thưởng, động viên khích lệ người lao động nâng cao năng suất lao động.

Chính sách đào tạo

Để đảm bảo duy trì và phát triển bền vững hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty đã tiến hành nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý điều hành. Bộ máy nhân sự ở văn phòng Công ty được nâng cấp, giảm số lượng, nâng cao chất lượng.

Đối với lực lượng lao động tham gia sản xuất trực tiếp, Công ty đã thu gọn số lao động đồng thời đào tạo nâng cao tay nghề để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của quá trình sản xuất.

Chiến lược phát triển nguồn nhân lực của Công ty là năng suất và hiệu quả công việc. Công ty đã thực hiện nhiều đợt tuyển dụng lao động có năng lực và tâm huyết cũng như tái đào tạo lực lượng lao động hiện tại, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

Nhằm khuyến khích cán bộ công nhân viên gia tăng hiệu quả đóng góp, tăng năng suất và chất lượng hoàn thành công việc, Công ty đưa ra chính sách thưởng hàng kỳ, thưởng đợt xuất cho cá nhân và tập thể. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của cá nhân hoặc tập thể trong việc đề ra các sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, về phương pháp tổ chức kinh doanh, tìm kiếm khách hàng mới, tìm thị trường mới, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh, v.v



Chính sách khác đối với người lao động

Công ty thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội cho người lao động theo Luật lao động, nội quy lao động và thoả ước lao động tập thể. Công ty luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện lao động cho cán bộ công nhân viên. Công ty có chế độ bồi dưỡng đối với anh chị em công nhân viên làm việc trong điều kiện nắng nóng, nặng nhọc; quan tâm đến cán bộ công nhân viên trong các ngày lễ tết; tổ chức cho cán bộ công nhân viên đi du lịch, nghỉ mát hàng năm,...

Thay đổi thành viên HĐQT, BGD, BKS, KTT.

Trong năm Công ty không có thay đổi nào.





THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

Thành viên và cơ cấu của HĐQT

Hội đồng Quản trị: 2/5 thành viên độc lập không điều hành

Ông Nguyễn Văn Dân – Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Giới tính : Nam
Ngày sinh : 19/05/1958
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư thủy lợi

Các chức vụ quản lý đã nắm giữ:

- ▶ 10/1996- 3/2000: Cán bộ kỹ thuật, Phó Giám đốc Chi nhánh Công ty sông đà 12 tại Hải Phòng - Tổng Công ty XD Sông Đà.
- ▶ 3/2000-11/2004: Trưởng phòng Kinh tế kế hoạch – Công ty CP Đầu tư và Xây dựng HUD1.
- ▶ 12/2004-10/2005: Chánh văn phòng Đảng ủy Tổng Công ty đầu tư phát triển nhà và đô thị
- ▶ 11/2005-7/2006: Kiêm Chánh văn phòng Tổng Công ty HUD.
- ▶ 7/2006- 7/2008: Chánh Văn phòng Đảng ủy Tổng Công ty đầu tư phát triển nhà và đô thị.
- ▶ 8/2008 - 6/2010: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư và Xây dựng HUD1.
- ▶ 6/2010 đến nay: Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư và Xây dựng HUD1.

Ông Dương Tất Khiêm – thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty

Xem phần VII

Ông Nguyễn Huy Hưng – thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng Công ty

Xem phần VII



Ông Ngô Quang Đạo – thành viên HĐQT kiêm Phó giám đốc Công ty

Xem phần VII

Ông Nguyễn Đình Thắng – thành viên HĐQT

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 06/05/1968

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế; Thạc sỹ quản trị kinh doanh

Các vị trí quản lý đã nắm giữ:

- ▶ 5/2001 -10/2005: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần đầu tư và XD HUD1
- ▶ 11/2005 - 10/2006: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Cầu Hàn
- ▶ 11/2006 - 7/2007: Chuyên viên – Phòng Tài chính kế toán Tổng Công ty HUD
- ▶ 8/2007 - đến nay: Chuyên viên Ban Đầu tư tài chính – Tổng Công ty HUD
- ▶ 9/2008 – nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1

Hoạt động của Hội đồng Quản trị

Triển khai việc niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh;

Giám sát hoạt động kinh doanh và sử dụng vốn đầu tư tại các Công ty con;

Giám sát hoạt động của Ban Giám đốc, Kế toán trưởng, các Trưởng phòng và các Đội trưởng trong Công ty;

Thông qua các báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính của do Ban Giám đốc trình;

Triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên, Đại hội đồng cổ đông bất thường và chuẩn bị các nội dung họp và tài liệu gửi cổ đông;

Xây dựng dự thảo phương án huy động vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2011;

Ngoài các hoạt động với tư cách là thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên độc lập không điều hành còn giám sát hoạt động của các thành viên điều hành và triệu tập các cuộc họp HĐQT để thảo luận về các vấn đề cần thiết.



Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

Ông Phan Tiến Long – Trưởng ban kiểm soát

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 6/11/1962

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư đô thị

Các vị trí quản lý đã nắm giữ:

- ▶ 1986-2002: Chỉ huy trưởng Công trình, Đội trưởng Công ty XL&VTXD 6 - TCT XD NN&PTNN - Bộ Nông nghiệp
- ▶ 4/2003-12/2003: Đội phó đội Xây dựng 109 – HUD1
- ▶ 1/2004-10/2005: Đội trưởng đội Xây dựng 109 – HUD1
- ▶ 11/2005-nay: Trưởng BKS kiêm TP. KT thi công HUD1

Bà Đỗ Thị Thanh Vân – Thành viên Ban kiểm soát

Giới tính : Nữ

Ngày sinh : 19/5/1961

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Xây dựng

Các vị trí quản lý đã nắm giữ:

- ▶ 9/1991-6/1997: Phó phòng Kế hoạch Kỹ thuật Tổng hợp- Xí nghiệp Xây lắp 2
- ▶ 5/2002-12/2004: Phó Phòng Kinh tế Kế hoạch – HUD1
- ▶ 1/2005- nay: Phó phòng Phụ trách, Trưởng phòng Kinh tế Kế hoạch – HUD1

Chức vụ hiện nay tại HUD1: Thành viên BKS kiêm Trưởng phòng Kinh tế kế hoạch.

Bà Mai Thị Hương – Thành viên Ban kiểm soát

Giới tính : Nữ

Ngày sinh : 25/06/1973

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

Các vị trí quản lý đã nắm giữ:



- ▶ Từ 11/1993 – 04/2001: KTT THCS Vũ Ninh – Thái Bình
- ▶ Từ 05/2001 – 03/2010: Kế toán đội – HUD1.
- ▶ Từ 04/2010 đến nay: Nhân viên P.An toàn cơ điện – HUD1.

Hoạt động của Ban kiểm soát

Giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc trong việc chấp hành Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quy định của pháp luật

Xem xét các báo cáo tài chính kiểm soát độc lập

Giám sát việc đầu tư vào các Công ty con và hiệu quả thu được từ các khoản đầu tư này.

Đề xuất đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty

Giám sát các giao dịch cần công khai lợi ích của các nhân viên, thành viên quản lý trong Công ty

Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị Công ty

Ban hành và kiện toàn các quy chế nội bộ như Quy chế tài chính, Quy chế quản lý nhân sự, quy chế giao khoán, Quy định phân cấp quản lý cán bộ v.v để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị Công ty.

Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc

Hiện nay Công ty đang trong giai đoạn phát triển nên kể từ ngày thành lập năm 2004, Thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát và Giám đốc Công ty không hưởng bất kỳ khoản thù lao, các khoản lợi ích khác ngoài khoản lương hàng tháng và các khoản thưởng năng suất năm trong kế hoạch quý, năm theo chế độ của Công ty.

Số lượng thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty

Hiện tại, HĐQT của Công ty có 5 người, Ban kiểm soát có 3 người, Ban Giám đốc 4 người. Trong đó Ông Nguyễn Văn Dân – Chủ tịch HĐQT, Ông Ngô Quang Đạo – Phó Giám đốc và Ông Nguyễn Huy Hưng – Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng Công ty đã có chứng chỉ về quản trị Công ty.



Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT

Thông tin về các giao dịch cổ phiếu/chuyển nhượng phần vốn góp của Công ty của các thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát/Kiểm soát viên và những người liên quan tới các đối tượng nói trên:

	Tên thành viên	Chức vụ	Số CP sở hữu	
			31/12/2010	31/12/2011
1.	Nguyễn Văn Dân	Chủ tịch HĐQT	63.582	63.582
2.	Dương Tất Khiêm	Thành viên HĐQT/Giám đốc	59.881	59.881
3.	Nguyễn Đình Thắng	Thành viên HĐQT	26.455	26.455
4.	Nguyễn Huy Hưng	Thành viên HĐQT/ Kế toán trưởng	17.540	17.540
5.	Ngô Quang Đạo	Thành viên HĐQT/Thành viên Ban Giám đốc	43.436	43.436
6.	Nguyễn Đình Học	Thành viên Ban Giám đốc	17.400	17.400
7.	Nguyễn Việt Phương	Thành viên Ban Giám đốc	21.113	21.113
8.	Phan Tiến Long	Trưởng Ban Kiểm soát	67.126	67.126
9.	Mai Thị Hương	Thành viên BKS	19.392	19.392
10.	Đỗ Thị Thanh Vân	Thành viên BKS	22.100	22.100

Cho đến thời điểm này chưa có bất kỳ hợp đồng, hoặc giao dịch nào được ký kết giữa Công ty và thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát hay những người liên quan tới các đối tượng nói trên.

Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn

Cổ đông Nhà nước

TẬP ĐOÀN PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ

Địa chỉ : Số Số 91 Nguyễn Chí Thanh, Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội





Điện thoại : 04.38647125 Fax : 04.38647144

Tỉ lệ vốn góp tại Công ty: 51% vốn điều lệ.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính: Đầu tư các dự án Bất động sản và khu đô thị.

Cổ đông sáng lập

TÊN CỔ ĐÔNG	ĐỊA CHỈ	SỐ CỔ PHẦN
Tập đoàn Phát triển Nhà và Đô thị	Số 91 Nguyễn Chí Thanh, Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	5.100.000
Tổng số cổ phần của cổ đông sáng lập tại 31/12/2011		5.100.000

Cổ đông nước ngoài

Không có

